

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2021**



*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2022*



**EVNPECC3**

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3  
Năm báo cáo: Năm 2021

## I. Thông tin chung:

### 1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301475102 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp lần đầu ngày 17/11/2007 và đăng ký thay đổi lần 11 ngày 28/10/2021.
- Vốn điều lệ: 82.760.800.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 82.760.800.000 đồng.
- Địa chỉ: 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM.
- Số điện thoại: 08.22211169
- Số fax: 08.39307938
- Website: [www.pecc3.com.vn](http://www.pecc3.com.vn)
- Mã cổ phiếu: TV3

### 2. Quá trình hình thành và phát triển

- Tiền thân của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 là Phòng Thiết kế điện trực thuộc Công ty Điện lực miền Nam (1975), do nhu cầu phát triển nguồn và lưới điện nên ngày 13/02/1979 Bộ Điện và Than đã có QĐ số: 04/ĐT/TCCB thành lập Phân viện Quy hoạch thiết kế điện thay thế cho Phòng Thiết kế điện của Công ty Điện lực miền Nam. Đến ngày 7/5/1986 Bộ Điện Lực có QĐ số: 128/ĐL/TCCB cho đổi tên Phân viện Quy hoạch thiết kế điện thành Trung tâm Năng lượng trực thuộc Công ty Điện lực 2 (tên mới của Công ty Điện lực Miền Nam).
- Năm 1995, ngay sau khi thành lập Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, Trung tâm Năng lượng được tách từ Công ty Điện lực 2 chuyển về trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam theo QĐ số: 429/ĐVN-TCCB-LĐ ngày 24/6/1995.
- Ngày 07/4/1999 theo QĐ số: 17/1999/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, quyết định chuyển Trung tâm Năng lượng thành Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.
- Ngày 26/01/2007 theo QĐ số: 335/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp phê duyệt phương án và chuyển Công ty Tư vấn xây dựng điện 3 thành Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.
- Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Phiên giao dịch chứng khoán đầu tiên của Công ty đã được thực hiện ngày 01 tháng 12 năm 2009.
- Trải qua hơn 40 năm xây dựng và phát triển, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 không ngừng lớn mạnh, luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao,



nhờ đó đã được Nhà nước tặng 01 Huân chương Độc lập hạng Nhì, 01 Huân chương Độc lập hạng Ba, 01 Huân chương Lao động hạng Nhất, 01 Huân chương Lao động hạng Nhì và nhiều bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công thương và Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- a) Lập qui hoạch phát triển điện lực các huyện, tỉnh, thành phố và qui hoạch phát triển các dự án nhà máy điện: thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân, và năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt).
- b) Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu các dự án nhà máy thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân, năng lượng tái tạo; dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; dự án đường dây tải điện và trạm biến áp.
- c) Khảo sát địa chất, địa hình, thủy văn xây dựng công trình nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, công trình dân dụng và công nghiệp.
- d) Thiết kế, lập tổng dự toán công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp); công trình thủy lợi, thủy điện (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông); thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc và thiết kế kết cấu các công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế hệ thống thông tin liên lạc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình giao thông cầu - đường bộ;
- đ) Thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế, thẩm định tổng dự toán và hồ sơ mời thầu... các dự án xây dựng nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp và công trình dân dụng và công nghiệp.
- e) Giám sát thi công xây dựng các công trình thủy lợi, công trình thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân và năng lượng tái tạo; công trình dân dụng và công nghiệp, đường dây tải điện và trạm biến áp.
- g) Giám sát công tác lắp đặt phần điện công trình công nghiệp.
- h) Giám sát thi công và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình giao thông cầu - đường bộ;
- i) Giám sát công tác khảo sát địa chất, địa hình, thủy văn các công trình xây dựng nhà máy điện, lưới điện dân dụng và công nghiệp.
- k) Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nhà máy điện, lưới điện, dân dụng và công nghiệp.
- l) Thi công khoan phụt bê tông, khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng.
- m) Khoan thăm dò, kiểm tra lấy mẫu thử để đo chỉ tiêu vật lý, địa chất.
- n) Thí nghiệm đất, đá, cát, nước, bê tông, thép và các loại vật liệu xây dựng khác.



- o) Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện, nhiệt điện, năng lượng tái tạo và các công trình đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.
- p) Kiểm định chất lượng công trình xây dựng, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng các công trình xây dựng.
- q) Đo đạc bản đồ địa hình, địa chất, và vẽ bản đồ địa chính, chuyên ngành, Atlas...
- r) Khảo sát, lập dự án đầu tư, thiết kế công trình viễn thông.
- s) Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường, di dân tái định cư, đo đạc giải thửa, đền bù giải phóng mặt bằng công trình nhà máy điện, lưới điện, công trình dân dụng và công nghiệp.
- t) Gia công chế tạo, lắp đặt các thiết bị điện sinh hoạt và công nghiệp.
- u) Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện;
- v) Kinh doanh bất động sản.
- w) Thiết kế bản vẽ thi công và giám sát thi công hệ thống PCCC cho các công trình.
- x) Thi công lắp đặt điện mặt trời trên mái nhà.

- Địa bàn kinh doanh:

Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 có địa bàn kinh doanh trên toàn lãnh thổ (bao gồm cả đảo) của nước Việt Nam và một số nước trong khu vực Đông Nam Á như Lào, Cam Pu Chia ...

#### **4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 có cơ cấu tổ chức như sau:

- Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và ban Tổng Giám đốc
- Khối các đơn vị quản lý gồm 3 đơn vị là: phòng Tổ chức - nhân sự; phòng Kế hoạch - kinh doanh và phòng Tài chính - kế toán;
- Khối các phòng phục vụ và quản lý kỹ thuật gồm các đơn vị: Văn phòng Công ty, phòng Kỹ thuật & quản lý chất lượng, phòng Công nghệ thông tin, phòng Pháp chế.
- Khối các phòng trực tiếp sản xuất gồm các đơn vị: Phòng Thiết kế trạm, phòng Thiết kế đường dây, phòng Tư vấn đền bù, phòng Môi trường, Trung tâm Nhiệt điện và Năng lượng mới, phòng Thiết kế thủy điện, phòng Năng lượng tái tạo, Phòng Phân tích hệ thống điện, Ban EPC.
- Khối các đơn vị trực thuộc Công ty (Chi nhánh công ty).
  - + Chi nhánh Xí nghiệp Khảo sát và xây dựng điện.



Địa chỉ: 32 Ngô Thời Nhiệm – Phường Võ Thị Sáu - Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh


Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Thí nghiệm mẫu đất, đá, cát, nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng. Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện, nhiệt điện, công trình đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình xây dựng. Thi công khoan phụt bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng. Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình. Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện. Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp).

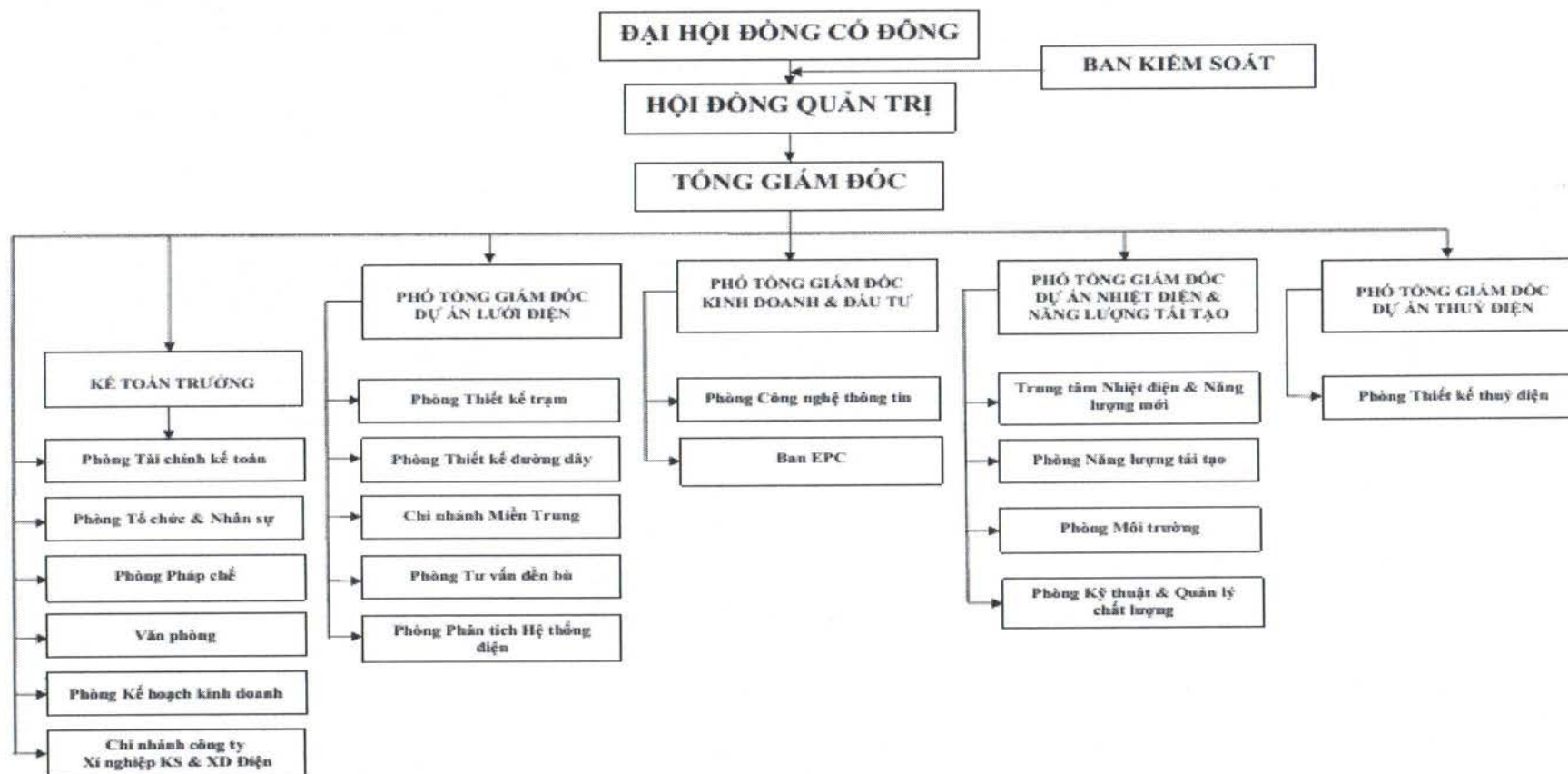
+ Chi nhánh Miền Trung:

Địa chỉ: Đường 23 tháng 10 - Phường Vĩnh Hiệp - TP. Nha Trang - tỉnh Khánh Hòa.

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Lập quy hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực. Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư. Lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện (thủy điện, nhiệt điện, nguồn và lưới điện) dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, dự án năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt) dự án đường dây tải điện và trạm biến áp. Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường. Lập tổng dự toán các công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện. Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nguồn và lưới điện, các công trình xây dựng dân dụng. Đo đạc khảo sát địa hình xây dựng công trình truyền tải điện. Thiết kế các công trình điện năng, công trình thủy lợi. Giám sát thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp.



 <p>EVNPECC3</p>	CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3	Lần ban hành: 03	MS: BM-NS-01
	SƠ ĐỒ TỔ CHỨC	Ngày ban hành: 01/11/2010	





## 5. Định hướng phát triển.

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

+ Tầm nhìn: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 sẽ trở thành công ty tư vấn và thiết kế chuyên nghiệp hàng đầu tại Việt Nam và khu vực, cung cấp dịch vụ chất lượng và uy tín cho các khách hàng trong lĩnh vực năng lượng, công nghiệp và cơ sở hạ tầng.

+ Sứ mệnh: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 cung cấp các giải pháp xây dựng hiệu quả và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật chuyên nghiệp với đội ngũ có năng lực cao, tinh thần đồng đội, góp phần phát triển kinh tế đất nước.

+ Giá trị cốt lõi:

- Chính trực – Tin cậy
- Chuyên nghiệp – Sáng tạo – Hiệu quả
- Học hỏi – Phát triển
- Đoàn kết – Hợp tác – Thân thiện

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Phát triển khách hàng tư nhân: Quảng bá thương hiệu, tiếp cận khách hàng tiềm năng; Tối ưu hóa doanh thu đối với khách hàng tư nhân hiện tại; Xây dựng đội ngũ kinh doanh, tiếp thị và chủ nhiệm dự án đáp ứng nhu cầu khách hàng theo “Tập hợp giá trị Khách hàng”.
- Mở rộng kinh doanh đến thị trường công nghiệp và cơ sở hạ tầng: Tiếp thị và tiếp cận khách hàng tiềm năng; Đẩy mạnh bán chéo dịch vụ Tư vấn thiết kế cho khách hàng nguồn điện; Đưa ra giải pháp rút lui khi không khả thi.
- Xây dựng thương hiệu uy tín: Tiếp thị tập trung đến các khách hàng tư nhân tiềm năng; Xây dựng nguồn nhân lực trực tiếp giao dịch với khách hàng; Xây dựng và phát triển văn hóa đáng tin cậy thông qua các hoạt động văn hóa doanh nghiệp.
- Nâng cao chất lượng: Nâng cao năng lực nhân sự trực tiếp giao dịch với khách hàng; Kiểm soát quy trình thực hiện dịch vụ theo CTRs; Các yêu cầu pháp lý và các tiêu chuẩn được áp dụng triệt để; Liên tục cập nhật phản hồi và yêu cầu của khách hàng đến bộ phận trực tiếp thực hiện dịch vụ; Tiếp thị và bán hàng thông qua việc Chăm sóc khách hàng thường xuyên.

c) Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến chiến lược ngắn hạn và trung hạn của Công ty thông qua việc thực hiện các mục tiêu và chương trình cụ thể sau:

- Tăng trưởng doanh thu: tận dụng cơ hội xu hướng đầu tư tư nhân vào lĩnh vực năng lượng tăng cao, đẩy mạnh tăng trưởng doanh thu đối với những khách hàng tư nhân để từng bước giảm sự phụ thuộc quá lớn vào doanh thu từ các Công ty Nhà nước, Quản lý hiệu quả chi phí: mang lại sự gia tăng lợi nhuận cho Công ty cũng như thúc đẩy sự đầu tư vào các hoạt động mang lại giá trị cao.





- Quản lý hiệu quả mối quan hệ khách hàng và các cơ quan ban ngành: xác định và quản lý danh sách các Khách hàng tư nhân tiềm năng (có thể mang lại doanh thu). Đồng thời, quản lý các mối quan hệ với các cá nhân, cơ quan có ảnh hưởng đến việc ra quyết định của Khách hàng tiềm năng trong việc lựa chọn tư vấn.
- Gia tăng sự nhận biết thương hiệu: gia tăng sự hiện diện của thương hiệu PECC3 đến các khách hàng tiềm năng và các bên liên quan, cụ thể tăng cường tham dự và trình bày tại các buổi hội thảo chuyên ngành quy mô toàn quốc và khu vực.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ: góp phần giúp PECC3 phát triển bền vững năng lực cốt lõi của Công ty, cụ thể hoàn thành các quy trình thực hiện dịch vụ (quy trình sản xuất), quy trình chăm sóc khách hàng, tiếp thị và bán hàng.
- Nghiên cứu sản phẩm và xâm nhập thị trường công nghiệp và Cơ sở hạ tầng: tiến hành nghiên cứu, đánh giá và đưa ra kế hoạch tiếp cận khách hàng và bán sản phẩm, đồng thời đưa ra kế hoạch rút lui khỏi thị trường nếu không khả thi.
- Phát triển năng lực nhân sự chủ chốt: xây dựng kế hoạch đào tạo để phát triển năng lực của các nhân lực chủ chốt, tập trung vào các Chủ nhiệm dự án, Nhân viên kinh doanh, Nhân viên tiếp thị và Nhân viên Chăm sóc khách hàng.
- Xây dựng đội ngũ tập trung chiến lược: đào tạo kỹ năng cho các nguồn lực nội bộ để có thể xây dựng chiến lược và triển khai chiến lược hiệu quả.
- Xây dựng văn hóa đáng tin cậy: xây dựng văn hóa đáng tin trong phạm vi cá nhân, đội nhóm, phòng ban và Công ty sẽ mang lại sự hài lòng, gắn kết của nhân viên cũng như ảnh hưởng mạnh mẽ đến việc xây dựng thương hiệu uy tín Công ty.

#### 6. Các rủi ro:

- Chiến lược, quy hoạch các phân ngành năng lượng: điện, than, dầu khí, NLTT không được xây dựng dựa trên một chiến lược chung toàn ngành năng lượng dẫn đến sự phát triển không đồng bộ, không thống nhất giữa các phân ngành năng lượng cũng như sự phát triển thiếu đồng bộ, thống nhất, cân đối, hài hòa của toàn ngành năng lượng. Việc này sẽ dẫn đến các rủi ro và khó khăn khi tham gia tư vấn cho các dự án.
- Công tác quy hoạch phát triển điện và quy hoạch sử dụng đất của các địa phương chưa đồng bộ, Chính sách đất đai và giá đền bù thấp. Tuyến đường dây đi qua nhiều địa phương, mỗi địa phương lại áp dụng áp giá đền bù khác nhau. dẫn đến rủi ro trong công tác tư vấn, thiết kế các dự án cụ thể.
- Rủi ro trong công tác giải phóng mặt bằng, đền bù giải tỏa, tranh chấp đất đai... dẫn đến rủi ro cho tiến độ thỏa thuận thực hiện dự án dẫn đến bị phạt hợp đồng do chậm trễ tiến độ.
- Khách hàng ngày càng đòi hỏi nâng cao chất lượng tư vấn nên đưa vào điều khoản hợp đồng ràng buộc trách nhiệm tư vấn ngày càng khắt khe, các điều khoản phạt, bồi thường rất cao nên rủi ro phải bồi thường thiệt hại càng lớn.



- Thị trường cạnh tranh ngày càng quyết liệt với sự xuất hiện của rất nhiều các doanh nghiệp tư vấn ngoài ngành, tư vấn tư nhân và tư vấn nước ngoài.
- Một số thị trường truyền thống như thị trường tư vấn thủy điện đang giảm mạnh. Phát triển điện mặt trời bị chững lại do quy hoạch thiếu đồng bộ giữa nguồn và lưới.
- Nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn ở phía trước sẽ dẫn đến những rủi ro tiềm tàng trong việc triển khai và thanh toán.
- Thủ tục đấu thầu tư vấn mất rất nhiều thời gian. Điều này tạo nên rủi ro lớn lên các đơn vị tư vấn vì khi ký xong hợp đồng thì thời gian thực hiện không còn nhiều nên gây ảnh hưởng tới tiến độ và chất lượng của công trình.

## II. Tình hình hoạt động trong năm 2021.

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2021 Công ty thực hiện đạt 73,10% kế hoạch doanh thu, cụ thể 314,3/430 tỷ đồng. Công ty chưa đạt kế hoạch đề ra bởi các nguyên nhân:

- Một năm có nhiều biến động do dịch Covid hoành hành. Việc liên tục áp dụng các chỉ thị 15, chỉ thị 16 từ ngày 31/05/2021 đến 30/09/2021 của Chính phủ về giãn cách xã hội và kéo dài nhiều tháng liền đã gây ảnh hưởng rất nhiều đến các công tác khảo sát, thiết kế, phát hành hồ sơ, giao nhận hồ sơ, họp báo cáo thẩm tra - giải trình và nghiệm thu.
- Việc tiếp cận các khách hàng trong thời gian giãn cách xã hội do dịch Covid để thực hiện công tác giải trình, nghiệm thu thanh toán cực kỳ hạn chế.
- Khả năng thích ứng với Covid chưa linh hoạt, nhân sự nhiễm bệnh nên bị hạn chế trong việc đi khảo sát, báo cáo, nghiệm thu...
- Việc Luật đầu tư, cơ chế chính sách về Năng lượng tái tạo liên tục thay đổi và Tổng sơ đồ VIII chưa được phê duyệt đã gây không ít khó khăn trong việc khảo sát, thiết kế, trình duyệt hồ sơ.
- Nhu cầu tiêu thụ điện toàn quốc giảm và các dự án trở nên chưa cấp thiết.
- Công tác lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, điều chỉnh/cập nhật trong quá trình điều hành sản xuất của Ban TGD cũng sự phối hợp hiệu chỉnh giữa các đơn vị cũng chưa chính xác và bám sát kế hoạch.

### 2. Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2021:

#### 2.1. Kế hoạch doanh thu năm 2021: 430 tỷ đồng (trước thuế)

Doanh thu thực hiện năm 2021: **314,3 tỷ đồng** (trước thuế) đạt 73,10% kế hoạch năm 2021.

#### 2.2. Kế hoạch đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản:

- Mua sắm tài sản: 1,03 tỷ đồng, đạt 17,20% kế hoạch năm 2021.
- Đầu tư góp vốn năm 2021: 22,5 tỷ đồng đạt 100% kế hoạch năm 2021

### 3. Tổ chức và nhân sự

+ Danh sách Ban điều hành:

a) **Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn: Tổng Giám đốc**



Sinh ngày: 18 tháng 10 năm 1973;

Nơi sinh: Đà Nẵng;

Học vị: Thạc sỹ Hệ thống điện

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình công tác:

Từ 04/2020 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3

Từ 01/2015 đến tháng 4 năm 2020: Giám đốc Trung tâm Nhiệt điện và điện hạt nhân – Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3

Từ 08/2014 – 12/2014 : Phó Giám đốc Trung tâm Nhiệt điện và điện hạt nhân – Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3

Từ 07/2013 – 07/2014 : Trưởng phòng Nhiệt điện và điện hạt nhân – Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.

Từ 02/2009 – 06/2013 : Trưởng phòng Dự án nguồn – Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.

Từ 11/2006 – 01/2009 : Phó Trưởng phòng Dự án nguồn – Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.

Từ 04/2002 – 11/2006 : Kỹ sư phòng Dự án nguồn – Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.

Từ 01/2000 – 03/2002 : Kỹ sư phòng Dự án lưới – Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.

Từ 07/1996 – 12/1999 : Kỹ sư phòng Hợp tác quốc tế – Công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh.

**b) Ông Tôn Thất Hùng: Phó Tổng Giám đốc;**

(Đã nghỉ hưu trí theo chế độ từ ngày 01 tháng 9 năm 2021)

Sinh ngày: 11 tháng 5 năm 1961;

Nơi sinh: Nha Trang, Khánh Hòa;

Học vị: Kỹ sư - Thạc sỹ Kỹ thuật chuyên ngành hệ thống điện.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình công tác:

Từ 2008 đến 01/9/2021: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2007 đến 2008: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn XD điện 3;

Từ 3/1999 đến 12/2007: Trưởng đoàn Tư vấn khảo sát thiết kế miền Trung - Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1992 đến 3/1999: Phó Trưởng phòng Thiết kế trạm Phân viện Thiết kế điện Nha Trang;



Từ 1983 đến 1992: Nhân viên phòng Thiết kế trạm Phân viện Thiết kế điện Nha Trang;

**c) Ông Nguyễn Trí Trinh - Phó Tổng Giám đốc**

Sinh ngày: 01 tháng 01 năm 1962;

Nơi sinh: Quảng Trị

Học vị: Tiến sỹ Công trình thủy

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình công tác

Từ 01/7/2013 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Tư vấn XD điện 3;

Từ 2009 đến 06/2013: Trưởng đoàn Tư vấn khảo sát thiết kế điện Miền Bắc - Phụ trách văn phòng đại diện tại Hà Nội - Công ty CP Tư vấn XD điện 3;

Từ 8/2003 đến 2008: Phó Giám đốc trung tâm, Trung tâm tư vấn và chuyển giao công nghệ Tổng Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam;

Từ 2001 đến 7/2003: Trưởng phòng, Xí nghiệp thiết kế 3 Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi 1;

Từ 6/1993 đến 2000: Kỹ sư - Xí nghiệp thiết kế 3 Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi 1;

Từ 1990 đến 5/1993: Kỹ sư - Công ty xây dựng thủy lợi Đắk Lắk;

Từ 4/1984 đến 1989: Kỹ sư tư vấn giám sát, Ban kiến thiết Đá Bàn tỉnh Khánh Hòa.

**d) Ông Trần Lê Minh - Phó Tổng Giám đốc**

Sinh ngày: 02 tháng 3 năm 1966

Nơi sinh: Quảng Ngãi

Học vị: Kỹ sư điện. Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình công tác

Từ 01/02/2009 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2003 đến 2009: TP. Dự án nguồn Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1999 đến 2003: Phó TP. Dự án Nguồn Công ty TV xây dựng điện 3;

Từ 1990 đến 1999: Phòng Dự án Nguồn Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.

**e) Trần Quốc Điền: Phó Tổng Giám đốc;**

(Bổ nhiệm từ tháng 5/2021)

Sinh ngày: 29 tháng 7 năm 1970;

Nơi sinh: Nha Trang, Khánh Hòa;





Học vị: Thạc sĩ Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

Quốc tịch: Việt Nam

Quá trình công tác:

Từ 05/2021 đến 12/2021 : Phó Tổng Giám đốc kiêm TP. Kế hoạch Kinh doanh – Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3 ;

Từ 12/2007- 5/2021: Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh – Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 06/2001 – 11/2007: Phó Trưởng phòng, Phòng Kế Hoạch Vật tư, Công ty Tư Vấn Xây Dựng Điện 3;

Từ 10/1999 – 5/2001: Chuyên viên, Phòng Kế Hoạch Vật tư, Công ty Tư Vấn Xây Dựng Điện 3;

Từ 4/1999 – 9/1999: Chuyên viên, Ban QLDA Lưới Điện TPHCM, Công ty Điện Lực TPHCM;

Từ 8/1996 – 3/1999: Tổ trưởng Xuất Nhập Khẩu, Phòng HTQT-XNK, Công Ty Điện lực TPHCM;

Từ 6/1995 - 8/1996: Chuyên viên, Phòng HTQT-XNK, Công Ty Điện Lực Tp.HCM;

**f) Ông Phạm Hoàng Vinh: Kế toán trưởng**

Sinh ngày: 26 tháng 10 năm 1971

Nơi sinh: TP Hồ Chí Minh

Học vị: Cử nhân kế toán.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình công tác

Từ 01/01/2019 đến nay: Kế toán trưởng Công ty CP Tư vấn XD điện 3;

Từ 01/12/2007 đến 31/12/2018: Trưởng phòng TCKT Công ty CP Tư vấn XD điện 3;

Từ 2005 đến 2007: Trưởng Phòng TCKT Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1999 đến 2005: Phó Trưởng phòng TCKT Công ty TV xây dựng điện 3;

Từ 1995 đến 1999: Nhân viên Phòng TCKT Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.

+ Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số lao động tính đến 31 tháng 12 năm 2021 là: 469 người;

Công ty có lực lượng lao động trẻ, trí thức và năng động với 480 cán bộ công nhân viên trong đó 80% có trình độ cao đẳng, trung cấp, đại học và trên đại học, cụ thể như sau:

- Tiến sĩ: 02 người



- |                         |           |
|-------------------------|-----------|
| - Thạc sĩ:              | 31 người  |
| - Kỹ sư và đại học,     | 305 người |
| - Cao đẳng - Trung cấp: | 61 người  |
| - Công nhân kỹ thuật:   | 48 người  |
| - Lao động phổ thông:   | 22 người  |

Lực lượng lao động của Công ty bao gồm nhiều chuyên ngành như: điện, xây dựng, kiến trúc, thủy công, năng lượng, cơ khí, trắc địa, địa chất, thủy văn, kinh tế, tài chính, luật, tin học, môi trường ... được đào tạo từ các trường đại học trong và ngoài nước.

Đối với người lao động, Công ty áp dụng các chế độ, chính sách trả lương thưởng và phúc lợi theo đúng quy định của pháp luật, đồng thời áp dụng hệ thống trả lương 3P để khuyến khích người lao động làm việc hiệu quả hơn, góp phần tăng năng suất lao động và hiệu quả cho doanh nghiệp.

#### **4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.**

##### **4.1. Tình hình đầu tư:**

- Đầu tư góp vốn năm 2021: **22,5 tỷ đồng** vào Công ty CP Phong điện Thuận Bình.

##### **4.2. Tình hình thực hiện dự án:**

###### **4.2.1. Nhiệt điện:**

###### **Các dự án ký hợp đồng tư vấn trong năm 2021:**

- TKKT NMĐ Hiệp Phước.
- BCNCKT, BCNCKT NMĐ chu trình hỗn hợp khí Ô Môn II.
- BCNCKT NMĐ Long Phú 2.
- Thăm tra BCNCKT NMĐ Dung Quất I; Dung Quất III.
- BVTC-DT nhà kho vật tư, TB dự Phòng NMĐ Vĩnh Tân 4 MR.

###### **4.2.2. Thủy điện:**

###### **- Các dự án ký hợp đồng tư vấn năm 2021:**

- Thăm tra TKKT-DT Thủy điện Yaly MR.
- Quan trắc Thủy điện Đa Nhim – Sông Pha.
- Ứng phó tình huống khẩn cấp Công trình thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi.
- Thăm tra TKKT-TDT Thủy điện Hòa Bình mở rộng.
- Lập DADT hiệu chỉnh Thủy điện Thượng Kontum.
- Quy trình vận hành hồ chứa Thủy điện Buôn Tua Srah, Buôn Kuốp và Srepok 3.

###### **4.2.3. Lưới điện:**

###### **- Các dự án ký hợp đồng tư vấn trong năm 2021:**



- Các dự án 500kV của Ban quản lý dự án các công trình điện miền Bắc, Ban quản lý dự án các công trình điện miền Trung, Ban quản lý dự án các công trình điện miền Nam.
- Các dự án 220kV của Ban quản lý dự án các công trình điện miền Bắc, Ban quản lý dự án các công trình điện miền Trung, Ban quản lý dự án các công trình điện miền Nam.
- Các dự án 110 kV của Tổng công ty điện lực miền Nam, Tổng công ty điện lực miền Trung

#### 4.2.4. Năng lượng tái tạo:

##### - Các dự án ký hợp đồng tư vấn trong năm 2021:

Một số dự án của khách hàng, chủ yếu là nhà đầu tư tư nhân

#### 4.3 Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

### 5. Tình hình tài chính.

#### a) Tình hình tài chính.

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng, giảm
<i>Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu	318.880	328.188	2,92%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	409.203	314.313	-23,19%
	23.763	24.014	1,06%
Lợi nhuận khác			
Lợi nhuận trước thuế	589	1.177	99,84%
Lợi nhuận sau thuế	24.352	25.191	3,45%
	19.620	20.146	2,68%

#### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
<b>I. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,00	1,02	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0,9	0,92	





<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho /</u> <u>Nợ ngắn hạn</u>			
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,64	0,62	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,76	1,63	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	15,15	10,54	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,27	0,95	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4,86%	6,45%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	16,96%	16,13%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	6,15%	6,14%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	5,89%	7,69%	

#### **6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.**

##### **a) Cổ phần:**

Tổng số cổ phần 8.276.080 cổ phần trong đó có 14 cổ phiếu quỹ, số còn lại là cổ phần được chuyển nhượng tự do

Danh sách người đại diện phần vốn của Tập đoàn điện lực Việt Nam

- Thái Tuấn Tài: Đại diện 1.614.854 cổ phần, chiếm 19,51% vốn điều lệ;
- Nguyễn Như Hoàng Tuấn: Đại diện 1.211.140 cổ phần, chiếm 14,63% vốn điều lệ;
- Trần Quốc Điền: Đại diện 1.211.140 cổ phần, chiếm 14,63% vốn điều lệ.

##### **b- Cơ cấu cổ đông:**

(Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam)



- Vốn điều lệ công ty: 82.760.800.000 đồng
- Vốn nhà nước (EVN): 40.371.340.000 đồng
- Vốn cá nhân trong nước: 40.919.350.000 đồng
- Vốn tổ chức trong nước: 41.714.210.000 đồng
- Vốn nước ngoài (cá nhân): 127.240.000 đồng

Họ tên	Số ĐKNSH	Địa chỉ	Quốc tịch	Số lượng CP
Ishizuka Yosuke	IS 0617	Kanagawa-ken, Yokohama-shi, Kohoku-ku Hiyoshi-Hocho 6-31-2-103	Japan	280
Chern, Feng - Linh	IB1777	No.2, Ln.31 Zhexning 5th rd, DayaDít, Taichung City 428, Taiwan (R.O.C)	Taiwan	100
OngKian Soon	IA2281	29B Clementi, Crescent S599542, Singapore	Singapore	10000
Yamamoto Kenji	IS 0692	4260-6 Shirasuka Kosai-shi Shizuoka, Japan	Japan	2100
Yamazaki Atsushi	IS 0469	165 Ongi, Yotsukaido-shi, Chiba-ken, Japan	Japan	244

- Cổ đông lớn:
  - + Tập đoàn điện lực Việt Nam: 4.037.134 cổ phần (48,78%)
  - + Ông Trần Quốc Điền: 423.220 cổ phần (5,11%)
- c- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Vốn đầu tư của chủ sở hữu không thay đổi: 82.760.800.000 đồng
- d- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch.
- e- Các chứng khoán khác: Không có.

## 7. Báo cáo tác động đến môi trường và xã hội:

### a) Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 là công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực Tư vấn xây dựng các công trình điện. Các sản phẩm của Công ty là



các sản phẩm mang yếu tố trí tuệ cao trong đó tỷ lệ hàm lượng tiêu tốn nguyên vật liệu để sản xuất và đóng gói là rất nhỏ.

b) Tiêu thụ năng lượng:

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp: Nguồn năng lượng tiêu thụ trực tiếp của Công ty là điện năng với phụ tải chủ yếu là các thiết bị phục vụ cho công tác của Văn phòng như chiếu sáng, máy điều hòa không khí và các thiết bị văn phòng.

- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

- Công ty đã tiến hành lắp đặt đồng hồ đo đếm điện đến từng đơn vị sản xuất từ đó đã tăng cường công tác quản lý lượng điện năng tiêu thụ, góp phần quan trọng vào mục tiêu tiết kiệm điện năng tiêu thụ trong toàn Công ty.

c) Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty sử dụng nguồn nước được cung cấp từ Công ty cấp nước thành phố Hồ Chí Minh, lượng nước trung bình tiêu thụ hàng năm là khoảng 1.200 m<sup>3</sup>. Lượng nước này chủ yếu được sử dụng cho các nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của toàn bộ các nhân viên trong công ty.

- Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Công ty không sử dụng nguồn nước cho mục tiêu sản xuất, lượng nước tiêu chủ yếu cho sinh hoạt do đó không có nước được tái sử dụng

d) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Công ty đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định và pháp luật về bảo vệ môi trường, các đoàn kiểm tra của các cơ quan chức năng đều đánh giá cao ý thức chấp hành pháp luật và quy định về môi trường của Công ty.

- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không bị phạt

## 8. Chính sách liên quan đến người lao động.

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Số người lao động tính đến 31/12/2021: 469 người

- Mức lương trung bình của NLD năm 2021: 22.780.000đ/người

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.



- Công ty đã xây dựng nội quy an toàn vệ sinh lao động, quy trình PCCN với đầy đủ các nội dung quy định và được treo tại các vị trí làm việc.
- Hàng năm, Công ty định kỳ mời các đơn vị có chức năng chuyên môn đến đo đạc, giám sát điều kiện môi trường làm việc. Các thông số đo môi trường làm việc tại Công ty đều đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn, đảm bảo sức khỏe làm việc lâu dài cho NLĐ.
- Công ty đã trang bị tủ thuốc và dụng cụ cấp cứu, phác đồ cấp cứu đầy đủ tại nơi làm việc của NLĐ. Trang bị túi cấp cứu cho các đội công tác ở công trường. Mặc dù Công ty không thuộc đơn vị trực tiếp sản xuất nhưng đã xây dựng phương án cấp cứu tại chỗ và tổ chức tập huấn cho tất các đối tượng có mặt tại trụ sở Công ty.
- Năm 2021 xảy ra dịch bệnh COVID-19 nên Công ty chỉ tổ chức khám sức khỏe định kỳ 1 lần cho người lao động, tỷ lệ khám đạt 91,8%, tổng chi phí: 458,647,900 đồng. Chi phí cho công tác phòng chống dịch là 218,710,200 đồng.
- Đối với NLĐ mắc bệnh mãn tính, đơn vị đã thông báo tình trạng sức khỏe đến từng cá nhân và yêu cầu định kỳ phối hợp với y tế cơ quan trong việc theo dõi tình hình bệnh lý cũng như phương pháp điều trị nhằm ổn định bệnh và nâng cao sức khỏe của NLĐ.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Năm 2021, Công ty tập trung vào công tác đào tạo cán bộ quản lý và đào tạo nhân sự chủ chốt cho các mảng sản phẩm chiến lược của Công ty, ngoài ra Công ty cũng đã thường xuyên tổ chức, cử CBCNV tham dự các khóa đào tạo bổ sung, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên.
- Tổng cộng có 86 chương trình gồm đào tạo cán bộ quản lý, đào tạo kỹ năng, bổ sung kiến thức chuyên môn đã được triển khai. Tổng số lượt người được đào tạo là 1252 người. Chi tiết dưới đây:

TT	Chương trình, nội dung đào tạo	Số lượt người được đào tạo	Số giờ đào tạo bq/người (giờ)
I	Đào tạo cán bộ quản lý	44	13
II	Đào tạo nhân sự chủ chốt cho các mảng sản phẩm chiến lược	54	39,5
III	Đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho nhân viên	471	18
IV	Đào tạo khác	683	7,5
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1252</b>	



**9. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.**

Các hoạt động tham gia, quyên góp ủng hộ: Hưởng ứng kêu gọi của EVN đóng góp Quỹ Tương trợ xã hội, mỗi lao động của Công ty đã đóng góp 01 ngày lương, với tổng số tiền quyên góp được là 325,866,813 đồng;

Công ty đã chung tay ủng hộ quỹ phòng chống Covid -19 (60 triệu đồng) và ủng hộ quỹ phòng chống hạn hán và xâm nhập mặn các tỉnh miền Tây Nam Bộ (40 triệu đồng);

Ủng hộ đồng bào 02 tỉnh miền Trung bị ảnh hưởng nặng nề bởi lũ lụt và sạt lở đất trong đợt mưa lũ lịch sử năm 2020 với số tiền 100 triệu đồng;

Ủng hộ địa phương tại nơi Công ty trú đóng để gây quỹ ủng hộ chăm lo Tết Tân Sửu cho người nghèo tại địa phương, với số tiền 10 triệu đồng;

Hoạt động tình nguyện của tổ chức Đoàn thanh niên Công ty đã ủng hộ xã Xã Krong, huyện KBang, tỉnh Gia Lai với số tiền 3 triệu đồng;

Hưởng ứng “Tuần Lễ Hồng EVN” do Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) phát động, Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 (PECC3) đã phát động chương trình “Tuần lễ hồng EVN tại PECC3” với tinh thần "Một giọt máu cho đi, một cuộc đời ở lại" vào ngày 21/12/2021. Tổng cộng có 69 lượt CB-CNVC đã tham gia hiến máu nhân đạo.

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.****1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Năm 2021 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chưa đạt kế hoạch đề ra bởi các nguyên nhân:

- Thuận lợi:
  - + Tăng trưởng năng lượng các giai đoạn 2021-2025-2030 tiếp tục mạnh, công suất hệ thống điện đến năm 2030 sẽ là 150.000MW so với CS đặt hiện tại là 49.000MW, đây là thách thức cho an ninh năng lượng Việt Nam nhưng cũng là cơ hội để triển khai nhiều dự án trong hiện tại và tương lai
  - + Thương hiệu Công ty ngày càng được khẳng định trên thị trường nội địa lẫn quốc tế.
  - + Đội ngũ kỹ sư và chuyên gia giàu kinh nghiệm, nhiệt tình, làm việc trong các lĩnh vực tạo ra nhiều thế mạnh cho Công ty.
- Khó khăn:
  - + Các khó khăn về kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng đã làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, nhiều dự án đang được tiến hành nhưng do thiếu vốn nên bị dừng lại hoặc giãn tiến độ đầu tư làm ảnh hưởng đến công tác khảo sát, thiết kế của Công ty.
  - + Hiện nay Chính phủ tạm dừng chủ trương bảo lãnh vay vốn nên các nguồn vốn ODA vay ưu đãi cho các dự án điện rất hạn chế.



- + Một số địa phương không ủng hộ xây dựng ND than theo Tổng sơ đồ đã được Thủ tướng phê duyệt gây ảnh hưởng đến việc đảm bảo cung cấp điện cho phát triển kinh tế xã hội.
- + Sự cạnh tranh quyết liệt của nền kinh tế thị trường và của các công ty tư vấn trong ngành điện cũng là một thách thức to lớn đòi hỏi sự nỗ lực phấn đấu vươn lên của Lãnh đạo cũng như toàn thể NLD trong Công ty.
- + Công tác đấu thầu để tìm kiếm hợp đồng tư vấn ngày càng khó khăn.
- + Công tác nghiệm thu, thanh toán còn chậm.
- + Ảnh hưởng dịch COVID 19.

## 2. Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2021:

Kế hoạch doanh thu năm 2021: 430 tỷ đồng

Doanh thu thực hiện năm 2021: 314,31 tỷ đồng đạt 73,10%

## 3. Tình hình tài chính.

Bảng cân đối kế toán:

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm	Số cuối năm	Chênh lệch so với năm trước
<b>I Tài sản ngắn hạn</b>	100-BCĐKT	<b>202.306.935.898</b>	<b>207.663.131.412</b>	<b>5.356.195.514</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT	73.721.708.136	35.993.379.842	(37.728.328.294)
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120-BCĐKT	220.790.000	4.220.790.000	4.000.000.000
3. Các khoản phải thu	130-BCĐKT	107.741.937.407	145.823.027.905	38.081.090.498
Trong đó: Nợ phải thu khó đòi		(14.996.750.777)	(24.316.373.229)	(9.319.622.452)
4. Hàng tồn kho	140-BCĐKT	19.923.494.425	21.144.383.118	1.220.888.693
5. Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT	699.005.930	481.550.547	(217.455.383)
<b>II Tài sản dài hạn</b>	200-BCĐKT	<b>116.572.921.217</b>	<b>120.525.215.082</b>	<b>3.952.293.865</b>
1. Các khoản phải thu dài hạn	210-BCĐKT	54.253.398.451	43.292.927.499	(10.960.470.952)
2. Tài sản cố định:	220-BCĐKT	27.623.364.815	19.863.262.617	(7.760.102.198)
Tài sản cố định hữu hình	221-BCĐKT	17.536.908.905	10.432.712.360	(7.104.196.545)
Tài sản cố định thuê tài chính	224-BCĐKT	-	-	-
Tài sản cố định vô hình	227-BCĐKT	10.086.455.910	9.430.550.257	(655.905.653)
3. Bất động sản đầu tư	230-BCĐKT	-	-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240-BCĐKT	-	162.000.000	162.000.000
5. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250-BCĐKT	29.991.916.461	53.150.000.000	23.158.083.539
6. Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT	4.704.241.490	4.057.024.966	(647.216.524)
<b>III. Nợ phải trả</b>	300-BCĐKT	<b>203.224.617.494</b>	<b>203.299.350.197</b>	<b>74.732.703</b>
1. Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	203.224.617.494	203.299.350.197	74.732.703





Trong đó : Nợ quá hạn				
2. Nợ dài hạn	320-BCĐKT			
<b>IV. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>400-BCĐKT</b>	<b>115.655.239.621</b>	<b>124.888.996.297</b>	<b>9.233.756.676</b>
1. Vốn của chủ sở hữu	410-BCĐKT	115.655.239.621	124.888.996.297	9.233.756.676
<i>Trong đó: vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>411-BCĐKT</i>	<i>82.760.800.000</i>	<i>82.760.800.000</i>	
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430-BCĐKT			

#### 4. Tình hình tài sản, nợ phải trả

a) Tài sản của Công ty biến động tăng 2,92% so với năm trước chủ yếu là khoản phải thu ngắn hạn năm nay tăng so với năm trước. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm nay giảm so với năm trước do tình hình dịch bệnh Covid kéo dài nên ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty.

#### b) Tình hình nợ phải trả

Tình hình Nợ phải trả trong năm 2021 không biến động nhiều so với năm trước.

#### 5. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

##### 5.1. Tổ chức quản lý theo mục tiêu:

- Tiếp tục thực hiện thắng lợi các mục tiêu Chiến lược Công ty giai đoạn 2020 – 2021 đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt, trên cơ sở đó Ban Tổng Giám đốc đã cho triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thực hiện các mục tiêu chiến lược đã đề ra. Cụ thể, ngay từ đầu năm, Công ty đã thiết lập hệ thống KPIs các cấp nhằm triển khai và kiểm soát đồng bộ, xuyên suốt các mục tiêu Công ty, từ đó giúp các cấp quản lý xây dựng các kế hoạch, biện pháp thực hiện kịp thời để đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất năm 2021. Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc luôn rà soát các mục tiêu chiến lược và có những chính sách điều hành linh hoạt, hiệu quả.
- Với đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra trong bối cảnh đầy biến động do đại dịch Covid-19 gây ra, Công ty chuyển sang chế độ làm việc online phần lớn thời gian, với phương thức quản lý theo mục tiêu được thiết lập từ đầu năm, nhờ đó các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn đảm bảo triển khai và kiểm soát chặt chẽ, cả hệ thống luôn theo dõi và kiểm soát tình hình thực hiện các mục tiêu năm đã đề ra.

##### 5.2. Công tác Công tác nâng cao năng lực quản trị và đào tạo nguồn nhân lực:

- Ban Lãnh đạo Công ty đã biến các khó khăn, thách thức năm 2021 thành cơ hội đầu tư, gia tăng chất lượng nguồn lực bằng việc tăng cường tổ chức các chương trình đào tạo với các hình thức phù hợp với tình hình phòng chống dịch bệnh. Trong năm 2021, Công ty đã tổ chức được 74 chương trình đào tạo, cho 1025 lượt người tham gia.
- Các nội dung đào tạo được Công ty tập trung, phải kể đến đó là chương trình đào tạo và luyện thi chứng chỉ Quản lý dự án theo chuẩn PMP; nâng cao năng lực cho đội ngũ kinh doanh, Marketing, chăm sóc khách hàng nhằm mang đến



cho khách hàng dịch vụ tư vấn uy tín, chất lượng, hiệu quả; khóa học về BIM Manager; về BIM Awareness - BIM 360; triển khai bản vẽ bằng phần mềm Revit và Dự toán trong Revit; đào tạo tổng quan về chiến lược và triển khai chuyển đổi số; đào tạo Triển khai dịch vụ số trên nền tảng điện toán đám mây...

- Ngoài ra, Công ty luôn phối hợp chặt chẽ với Ban Tổ chức & Nhân sự - EVN, cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo do EVN tổ chức như: Chương trình đào tạo cán bộ quản lý cấp 2,3; đào tạo chuyên gia; đào tạo về chuyển đổi số....
- Bên cạnh đó, Công ty đã tổ chức được các chuỗi Hội thảo, sự kiện với nhiều nội dung như: Chuyển đổi số; Văn hóa doanh nghiệp; Đào tạo triển khai BIM...

### 5.3. Công tác nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến cải tiến:

- Năm 2021, PECC3 vẫn tiếp tục duy trì các hoạt động nhằm mang lại hiệu quả cao trong công tác quản lý cũng như mang đến sự hài lòng cho khách hàng.
- Công ty tiếp tục khai thác hiệu quả các giải pháp công nghệ vào: Tính toán thiết kế nhà máy điện tuabin khí & chu trình hỗn hợp – GT-Advanced; Tính toán năng lượng gió phục vụ thiết kế Nhà máy điện gió - WindPRO & Was; Tính toán tiếng ồn từ các Tuabine gió; Tính toán và lượng hóa các rủi ro có thể phát sinh từ nhà máy điện khí LNG bằng mô hình Safeti; Ứng dụng Google Earth và phần mềm chụp ảnh GPS nâng cao chất lượng hồ sơ thiết kế các dự án lưới điện; Tính toán lựa chọn tiết diện dây chống sét kết hợp cáp quang OPG; Thiết kế tối ưu việc bố trí cột điện trên mặt cắt dọc đường dây truyền tải để giảm chi phí xây dựng công trình; tính toán móng Tuabine gió và các phần mềm quản lý khác...
- Song song với việc ứng dụng và khai thác hiệu quả các phần mềm trong công tác quản lý và sản xuất, Công ty luôn chú trọng, tạo điều kiện và khuyến khích các cá nhân tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến cải tiến và ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, góp phần nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm dịch vụ tư vấn. Cụ thể trong năm 2021, Công ty đã hoàn thành 04 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Công ty và phát triển 02 đề tài, trên 70 sáng kiến cải tiến kỹ thuật được áp dụng vào quá trình sản xuất
- Các chương trình Quản lý công trình, DA của Công ty – PMS, Quản lý máy tính và các thiết bị tin học - ITM, E-Learning của phòng CNTT xây dựng vẫn đang được sử dụng hiệu quả và tiếp tục cập nhật nâng cao tính năng sử dụng.

### 5.4. Thực thi văn hóa doanh nghiệp và Quy tắc ứng xử:

- Trong chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2018 – 2022 đã nhận định, điều quan trọng nhất cho thực hiện thành công chiến lược chính là vai trò của người lãnh đạo cao nhất và Văn hóa Công ty. Với nhận định này, cùng với kết quả của chuỗi các hoạt động xây dựng niềm tin được thực hiện trong các năm năm 2019-2020, năm 2021 Công ty tiếp đẩy mạnh các hoạt động Văn hóa PECC3.
- Các hoạt động VHDN năm 2021 được tập trung triển khai từ 04 giá trị cốt lõi của Công ty và đưa vào hệ thống chỉ tiêu đánh giá kết quả hoạt động (BSC/KPI) của đơn vị và cá nhân. Cụ thể, Công ty đã tổ chức các hoạt động thực hành thể Trao đổi thẳng thắn với sự tham gia của 100% đơn vị và cá nhân tham gia; hoạt



động Cải tiến liên tục thu hút 45 bài viết về ứng dụng sáng kiến trong hoạt động sản xuất của Công ty.

- Các hoạt động VHDN do nhóm triển khai VHDN được diễn ra thường xuyên, góp phần lan tỏa những thông điệp hay, các giá trị cốt lõi của Công ty đã được NLĐ hiểu, thấm và hành động nhất quán.

#### 5.5. *Cải tiến hệ thống Quy chế, Quy trình, Quy định trong công tác quản lý:*

- Công tác cải cách thủ tục hành chính: Công tác cải cách thủ tục hành chính của Công ty diễn ra phù hợp với xu thế chung của ngành, như: áp dụng chữ ký số; gửi các số liệu, các báo cáo...cho các bên liên quan bằng file; xử lý công việc qua email và các công cụ hỗ trợ của hệ thống mạng xã hội hiện đại...
- Hệ thống các Quy chế, Quy trình, Quy định...: Việc rà soát, hiệu chỉnh các quy chế quy định liên quan đến công tác quản lý doanh nghiệp, đảm bảo mọi hoạt động của Công ty thực hiện theo đúng các văn bản hiện hành của cấp trên và phù hợp với công cụ quản lý, đáp ứng kỳ vọng của Công ty. Bên cạnh đó, năm 2021 Công ty cũng chú trọng tới việc hoàn thiện các CTRs theo loại hình dự án, qua đó giúp cho việc nâng cao chất lượng dịch vụ do Công ty thực hiện.
- Đối với hệ thống hiện hành của Công ty: Công ty liên tục rà soát, cải tiến nhằm phù hợp với mục tiêu quản lý, sản xuất và phát triển Công ty. Hiện tại Công ty đang duy trì và áp dụng 02 hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO, bao gồm tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 27001:2013 và đang tìm hiểu về tiêu chuẩn ISO 3100 về quản trị rủi ro để xây dựng và áp dụng cho Công ty trong thời gian tới.

#### 5.6. *Về công tác đổi mới, sắp xếp lại doanh nghiệp:*

- Công tác cổ phần hóa, sắp xếp lại doanh nghiệp: Việc thoái vốn của EVN tại PECC3 đã tạm dừng, do đó năm 2021 công việc này không triển khai tiếp.

#### 5.7. *Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và cải thiện điều kiện làm việc cho NLĐ:*

- Công ty luôn thực hiện tốt các chính sách chăm lo đến đời sống và lợi ích cho NLĐ cao hơn Luật định, như chính sách đào tạo, chính sách thu nhập, chính sách bảo hiểm, chế độ khám sức khỏe định kỳ, chế độ nghỉ dưỡng...
- Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 kéo theo các tác động tiêu cực vào nền kinh tế nói chung, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty nói riêng, song chính sách chăm lo đến sức khỏe và thu nhập cho NLĐ vẫn là ưu tiên và lựa chọn hàng đầu đối với Công ty.
- Việc chăm sóc sức khỏe cho NLĐ: Công ty thực hiện hàng loạt các biện pháp nhằm kiểm soát và ngăn ngừa dịch bệnh Covid-19 như tiếp cận sớm nguồn vaccine để đảm bảo tỷ lệ phủ vaccine cho NLĐ; đảm bảo môi trường công sở được an toàn bằng việc khử khuẩn thường xuyên; thăm hỏi tặng quà tặng thuốc cho người lao động bị nhiễm Covid...
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho NLĐ, phân loại sức khỏe và lưu ý đối với các trường hợp NLĐ có vấn đề về sức khỏe.





- Tiếp tục duy trì nhà ăn tại Công ty, đảm bảo vệ sinh, an toàn và tiện lợi cho NLĐ vào giờ ăn trưa.
- Công tác an toàn lao động được đặc biệt quan tâm. Các loại bảo hiểm tai nạn, trách nhiệm nghề nghiệp cho người lao động được Công ty triển khai mua đầy đủ.
- Tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho tứ thân phụ mẫu của NLĐ bị đau ốm, tai nạn.

## **6. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

### **6.1. Mục tiêu năm 2022:**

- Doanh thu đạt 350 tỷ, lợi nhuận trước thuế 26 tỷ.
- Quản lý khách hàng hiệu quả; Gia tăng sự hiện diện của thương hiệu PECC3.
- Duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng và hệ thống An toàn thông tin. Tích hợp quy trình thực hiện dịch vụ mà PECC3 cung cấp.
- Đào tạo kỹ năng cho các nguồn lực nội bộ; Xây dựng văn hóa đáng tin trong Công ty; Xây dựng lộ trình chuyển đổi số.

### **6.2. Định hướng kế hoạch doanh thu năm 2022:**

- Tận dụng cơ hội xu hướng đầu tư tư nhân vào lĩnh vực năng lượng tăng cao, đẩy mạnh tăng trưởng doanh thu đối với những khách hàng tư nhân để từng bước giảm sự phụ thuộc quá lớn vào doanh thu từ Nhà nước. Duy trì tỷ lệ tăng trưởng doanh thu từ khách hàng Nhà nước, đẩy mạnh tăng trưởng doanh thu từ Tư nhân.
- Xúc tiến các hợp đồng tiềm năng với Khách hàng Tư nhân hiện có, đồng thời quảng bá, tìm kiếm, tiếp cận và quản lý mối quan hệ với các Khách hàng tư nhân tiềm năng. Quản lý hiệu quả chi phí mang lại sự gia tăng lợi nhuận cho Công ty cũng như thúc đẩy sự đầu tư vào các hoạt động mang lại giá trị cao. Tỷ lệ lợi nhuận/doanh thu  $\geq 5\%$ .
- Xác định và quản lý danh sách các Khách hàng tư nhân tiềm năng (có thể mang lại doanh thu). Đồng thời, quản lý các mối quan hệ với các cá nhân, cơ quan có ảnh hưởng đến việc ra quyết định của Khách hàng tiềm năng trong việc lựa chọn tư vấn.
- Gia tăng sự hiện diện của thương hiệu PECC3 đến các khách hàng tiềm năng và các bên liên quan. Việc nâng cao chất lượng sẽ giúp PECC3 phát triển bền vững năng lực cốt lõi của Công ty.
- Tiến hành việc đánh giá cơ hội ở thị trường công nghiệp và cơ sở hạ tầng. Đưa ra danh mục nghiên cứu và phát triển sản phẩm, đưa ra kế hoạch tiếp cận khách hàng và bán sản phẩm, đưa ra kế hoạch rút lui khỏi thị trường nếu không khả thi.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo để phát triển năng lực của các nhân lực chủ chốt, tập trung vào năng lực các Chủ nhiệm dự án.



- Việc xây dựng văn hóa đáng tin trong phạm vi cá nhân, đội nhóm, phòng ban và Công ty sẽ mang lại sự hài lòng, gắn kết của nhân viên cũng như ảnh hưởng mạnh mẽ đến việc xây dựng thương hiệu uy tín.

### 6.3. Các giải pháp thực hiện

#### 6.3.1. Doanh thu đạt 350 tỷ, lợi nhuận đạt 26 tỷ:

- Với tình hình kinh tế như hiện nay, với chỉ tiêu doanh thu như trên, cần có giải pháp đảm bảo tiến độ và doanh số nghiệm thu đồng thời thúc đẩy nghiệm thu sớm các dự án ngoài danh sách nêu trên có khả năng nghiệm thu và triển khai tìm kiếm các dự án mới để có thể đảm bảo được doanh thu đặt ra.
- Xúc tiến các hợp đồng tiềm năng với Khách hàng Tư nhân hiện có, đồng thời quảng bá, tìm kiếm, tiếp cận và quản lý mối quan hệ với các Khách hàng tư nhân tiềm năng.
- Tăng cường công tác quan hệ khách hàng, tìm kiếm và phân tích thông tin để tiếp cận được nhiều khách hàng, chào hàng và xúc tiến hợp đồng tư vấn. Đẩy mạnh các hoạt động marketing phù hợp và linh hoạt theo định hướng khách hàng. Xúc tiến chào giá ít nhất 1 dự án EPC lưới điện để ký hợp đồng triển khai thực hiện.
- Thu thập và phân tích thông tin tài chính, dự đoán nhu cầu và đưa ra các giải pháp tối ưu liên quan đến mục tiêu kinh doanh, đảm bảo sự tăng trưởng và phát triển, tối đa hóa doanh thu, tối đa hóa lợi nhuận và đảm bảo lợi ích hài hòa cho cổ đông và người lao động.

#### 6.3.2. Đầu tư góp vốn:

- Công ty không có kế hoạch đầu tư góp vốn trong năm 2022.

#### 6.3.3. Mua sắm tài sản cố định:

- Kế hoạch mua sắm tài sản cố định năm 2022 là: 9 tỷ đồng.
- Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2022: 10 tỷ đồng.

#### 6.3.4. Quản lý khách hàng hiệu quả, Gia tăng sự hiện diện của thương hiệu PECC3:

- Chăm sóc khách hàng và tìm hiểu khách hàng đánh giá các sản phẩm tốt nhất của PECC3.
- Rà soát và thiết kế lại bộ nhận diện thương hiệu hiện có, kết nối với các nhà tổ chức sự kiện, lên kế hoạch tham gia trình bày của các kỹ sư/chuyên gia. Lập danh sách các Nhà đầu tư tư nhân các dự án Nguồn điện tại Việt Nam và lên kế hoạch gặp gỡ và giới thiệu.

#### 6.3.5. Hoàn thành quy trình thực hiện dịch vụ mà PECC3 cung cấp; Đánh giá cơ hội ở thị trường Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng:

- Hoàn thành quy trình thực hiện dịch vụ (quy trình sản xuất) cho tất cả các dịch vụ mà PECC3 cung cấp.
- Hoàn thành quy trình tiếp nhận phản hồi của các bộ phận: Thực hiện dịch vụ, Tiếp thị và Bán hàng từ bộ phận Chăm sóc Khách hàng.
- Xây dựng quy trình và đào tạo đội ngũ Chăm sóc Khách hàng.



- Thực hiện tốt công tác truyền thông đến toàn thể CBCNV về các mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch sản xuất năm 2021.

**6.3.6. Đào tạo kỹ năng cho các nguồn lực nội bộ, Xây dựng văn hóa đáng tin trong phạm vi cá nhân, đội nhóm, phòng ban và Công ty:**

- Xây dựng niềm tin trong tổ chức, nâng cao tinh thần trách nhiệm, không đổ lỗi, chủ động trong công việc, hợp tác tốt giữa các cá nhân và đơn vị trên tinh thần chính trực, tin cậy, chuyên nghiệp, sáng tạo, hiệu quả, học hỏi phát triển, đoàn kết hợp tác và thân thiện. Thông qua các hoạt động phối hợp với nhóm VHDN như sau:
  - Tháng 2/2021: Gặp mặt đầu xuân và kỷ niệm ngày thành lập Công ty, Công ty đã tổ chức cuộc thi tìm hiểu về Văn hóa đáng tin.
  - Các quý tiếp tục lựa chọn các hành vi trong các mối quan hệ để triển khai truyền thông và thực hành thông qua các trò chơi trong đào tạo.
  - Đối thoại giữa lãnh đạo Công ty và Tầm nhìn, sứ mệnh và 4 giá trị cốt lõi trong văn hóa của PECC3. Tổ chức sự kiện Teambuilding để truyền thông các giá trị từ 13 hành vi trong các mối quan hệ và 4 yếu tố cốt lõi của niềm tin vào bản thân.
- Phối hợp với Tư vấn nhân sự, rà soát lại khung năng lực của các vị trí theo Từ điển năng lực, đưa ra và thực hiện kế hoạch đào tạo về kiến thức và kỹ năng đồng thời, áp dụng trực tiếp vào các dự án đang thực hiện.
- Đẩy mạnh và thường xuyên đào tạo về văn hóa doanh nghiệp, đưa những tấm gương điển hình tiên tiến cụ thể để xúc tiến phát triển văn hóa hợp tác tạo sức mạnh.

**7. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có):**

Công ty kiểm toán đã chấp thuận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

**8. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

- Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải):

Công ty đã có những chỉ đạo và quyết sách phù hợp, đáp ứng tốt các quy định của pháp luật và trách nhiệm của doanh nghiệp đối với môi trường, xã hội.

- Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Hàng quý công ty đều có tổ chức các cuộc họp đối thoại với người lao động, hàng năm công ty tổ chức hội nghị người lao động để từ đó lắng nghe và giải quyết các yêu cầu và kiến nghị chính đáng của người lao động. Công ty cũng đã luôn có những cải tiến về chính sách tiền lương, các quy định về phúc lợi xã hội nhằm đáp ứng cao nhất đời sống vật chất, tinh thần cho Người lao động.

- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:



Công ty đã hoàn thành tốt các nghĩa vụ đối với địa phương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Năm 2021 Công ty đã được nhận bằng khen của quận đội quận 3 thành phố Hồ Chí Minh vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác an ninh quốc phòng.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Năm 2021 là năm hoạt động thứ 14 của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 với những điều kiện thuận lợi và khó khăn như sau:

a) Thuận lợi:

- Năm 2021 là năm Công ty kế thừa những thành công của năm 2020, nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho những hoạt động sản xuất và kinh doanh cũng như tinh thần lao động của toàn thể người lao động trong Công ty.
- Ban điều hành luôn đoàn kết, có đủ năng lực, tinh thần trách nhiệm cao, luôn hết lòng vì quyền lợi của Công ty. Đồng thời Công ty có đội ngũ cán bộ, kỹ sư giàu kinh nghiệm và nhiệt tình công tác, nhờ đó đã tạo nên động lực quan trọng góp phần tích cực vào việc hoàn thành các dự án.

b) Khó khăn:

- Các khó khăn về kinh tế toàn cầu nói chung và Việt nam nói riêng đã làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, nhiều dự án đang được tiến hành nhưng do thiếu vốn nên bị dừng lại hoặc giảm tiến độ đầu tư làm ảnh hưởng đến công tác khảo sát, thiết kế của Công ty..
- Sự cạnh tranh quyết liệt của nền kinh tế thị trường và của các công ty tư vấn trong ngành điện cũng là một thách thức to lớn đòi hỏi sự nỗ lực phấn đấu vươn lên của Lãnh đạo cũng như toàn thể NLD trong công ty.

##### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:**

- a) Đặc điểm của Ban điều hành Công ty là tất cả các thành viên trong Ban điều hành đều năng động, giỏi chuyên môn, nhiệt tình trong công việc, không ngại khó, dám nghĩ dám làm, và đặc biệt là đoàn kết nội bộ cao đã là nền tảng của các kết quả trong năm 2021.
- b) Ban điều hành đã duy trì các cuộc họp tiến độ với nội dung đi vào chiều sâu, vào chất lượng và tiến độ của từng dự án nên đã đáp ứng được các yêu cầu của khách hàng từ đó góp phần quan trọng vào việc đảm bảo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho Người lao động.

##### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**



a) Kế hoạch công tác:

HĐQT chỉ đạo và phối hợp với Ban điều hành Công ty để thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính, với các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ sẽ thông qua trong kỳ Đại hội dự kiến sẽ được tổ chức vào cuối tháng 4 năm 2022.

b) Các hoạt động khác:

Giải quyết và ban hành kịp thời các chính sách, quy định trong các lĩnh vực mới phát sinh nhằm đáp ứng tốt công tác quản lý của Công ty.

c) Biện pháp thực hiện:

Duy trì các hoạt động của HĐQT và phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành trong việc quản lý Công ty.

Hỗ trợ Ban điều hành trong công tác điều hành cũng như tìm kiếm thêm việc làm cho công ty bằng cách ban hành kịp thời các quy chế, quy định về quản lý để áp dụng trong Công ty

Thường xuyên theo dõi, kiểm tra và nhắc nhở Ban điều hành để công tác quản lý đạt hiệu quả cao nhất.

## V. Quản trị công ty .

### 1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- **Ông Thái Tuấn Tài - Chủ tịch HĐQT**

Sinh ngày: 11 tháng 5 năm 1962;

Nơi sinh: 870 Trần Hưng Đạo, Quận 5, TP Hồ Chí Minh;

Học vị: Kỹ sư - Thạc sĩ Kỹ thuật; chuyên ngành điện.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1987: Tốt nghiệp Kỹ sư điện, chuyên ngành Điện khí hóa và Tự động hóa khai thác mỏ tại trường Đại học Mỏ Mátxcova.

Năm 2004: Tốt nghiệp Thạc sĩ kỹ thuật, chuyên ngành Hệ thống Điện tại trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2012: Tốt nghiệp Cao cấp chính trị - Học viện chính trị, hành chính tại thành phố HCM.

Quá trình công tác: 30 năm công tác trong ngành điện:

Từ 2020 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;





Từ 2009 đến 2020: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2007 đến 2008: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2003 đến 12/2007: Phó Giám đốc Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1999 đến 4/2003: Trưởng phòng Thiết kế trạm Công ty Tư vấn XD điện 3;

Từ 1997 đến 1999: Phó Trưởng phòng Thiết kế điện Trung tâm Năng lượng;

Từ 1988 đến 1997: Nhân viên Thiết kế điện Trung tâm Năng lượng;

**- Ông Tôn Thất Hùng: Thành viên HĐQT**

(Đã được miễn nhiệm kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2021 với lý do nghỉ hưu theo chế độ)

Sinh ngày: 11 tháng 5 năm 1961;

Nơi sinh: Nha Trang, Khánh Hòa;

Học vị: Kỹ sư - Thạc sĩ Kỹ thuật chuyên ngành hệ thống điện.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1983: Tốt nghiệp Kỹ sư Điện - Đại học Bách khoa Đà Nẵng;

Năm 2004: Tốt nghiệp Thạc sĩ kỹ thuật, chuyên ngành Hệ thống Điện tại trường Đại học Đà Nẵng.

Năm 2008: Tốt nghiệp Cao học Quản trị kinh doanh tại Đại học Bách khoa Hà Nội

Năm 2012: Tốt nghiệp Cao cấp chính trị - Học viện chính trị, hành chính tại thành phố HCM

Quá trình công tác: 33 năm công tác trong ngành điện:

Từ 2008 đến nay: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2007 đến 2008: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn XD điện 3;

Từ 3/1999 đến 12/2007: Trưởng đoàn Tư vấn khảo sát thiết kế miền Trung Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1992 đến 3/1999: Phó Trưởng phòng Thiết kế trạm Phân viện Thiết kế điện Nha Trang;

Từ 1983 đến 1992: Nhân viên phòng Thiết kế trạm Phân viện Thiết kế điện Nha Trang;

**- Ông Nguyễn Phú Gia: Thành viên HĐQT**

Sinh ngày: 20 tháng 02 năm 1955;

Nơi sinh: Hà Nội;



Học vị: Tiến sỹ - Nhiệt lò hơi.  
Quốc tịch: Việt Nam;  
Quá trình đào tạo:  
Năm 1979: Tốt nghiệp Kỹ ngành máy và kỹ thuật điện đại học luyện kim Tiệp Khắc;  
Năm 1983: Tốt nghiệp Tiến sỹ ngành thiết bị năng lượng tại Tiệp Khắc .  
Năm 1983-1988: Trung tâm thí nghiệm điện Hà Nội;  
Quá trình công tác:  
Từ 2015 đến nay: Cán bộ hưu trí, Ủy viên HĐQT, Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;  
Từ 2002 - 2015 : Phó Ban thẩm định Tập đoàn - EVN;  
Từ 1997- 2002 : Ban thẩm định Tập đoàn - EVN;  
Từ 1996 đến 1997: Phó phòng nhiệt điện - Viện Năng lượng;  
Từ 1988 đến 1996: phòng nhiệt điện - Viện Năng lượng;  
Từ 1983 đến 1988: Trung tâm thí nghiệm điện Hà Nội.

**- Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn: Thành viên HĐQT**

Sinh ngày: 18 tháng 10 năm 1973;  
Nơi sinh: Đà Nẵng;  
Học vị: Thạc sỹ Hệ thống điện  
Quốc tịch: Việt Nam;  
Quá trình công tác:  
Từ 4/2020 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần tư vấn xây dựng điện 3  
Từ 01/2015 đến 04/2020: Giám đốc Trung tâm Nhiệt điện và điện hạt nhân – Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3  
Từ 08/2014 – 12/2014 : Phó Giám đốc Trung tâm Nhiệt điện và điện hạt nhân – Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3  
Từ 07/2013 – 07/2014 : Trưởng phòng Nhiệt điện và điện hạt nhân – Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.  
Từ 02/2009 – 06/2013 : Trưởng phòng Dự án nguồn – Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.  
Từ 11/2006 – 01/2009 : Phó Trưởng phòng Dự án nguồn – Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.  
Từ 04/2002 – 11/2006 : Kỹ sư phòng Dự án nguồn – Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.



Từ 01/2000 – 03/2002 : Kỹ sư phòng Dự án lưới – Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.

Từ 07/1996 – 12/1999 : Kỹ sư phòng Hợp tác quốc tế – Công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh.

**- Ông Nguyễn Ngọc Kế: Thành viên độc lập HĐQT**

Sinh ngày: 08 tháng 8 năm 1948;

Nơi sinh: Bình Định;

Học vị: Kỹ sư điện.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình công tác:

Từ 2019 đến nay, Ủy viên HĐQT, Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2008: nghỉ hưu, làm Chuyên gia tại Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2007 đến 2008: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2002 đến 2007: Giám đốc Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1999 đến 2002: Phó Giám đốc Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1993 đến 1999: Phó Giám đốc Trung tâm Năng lượng;

Từ 1986 đến 1993: Trung tâm Năng lượng, Công ty Điện lực 2.

Từ 1976 đến 1986: Công ty Điện lực miền Nam.

Từ 1975 đến 1976: Xí nghiệp xây lắp điện 2 – Công ty xây lắp điện 2.

**- Danh sách và cổ phần của các thành viên HĐQT**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu	Số cổ phiếu đại diện
1	Ông Thái Tuấn Tài	CT. HĐQT	290.324	<b>1.614.854</b> (19,51% vốn điều lệ) Đại diện phần vốn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)
2	Ông Tôn Thất Hùng	UV. HĐQT	21.573	<b>1.211.140</b> (14,63% vốn điều lệ) Đại diện phần vốn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)
3	Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	UV. HĐQT	4.503	<b>1.211.140</b> (14,63% vốn điều lệ)



				Đại diện phần vốn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)
4	Ông Nguyễn Ngọc Kế	UV. HĐQT	12.976	
5	Ông Nguyễn Phú Gia	UV. HĐQT	16.347	

- Ông Nguyễn Văn Long, Chánh Văn Phòng Công ty được Hội đồng quản trị bầu làm kiêm nhiệm chức vụ Người phụ trách quản trị Công ty và Thư ký Công ty, đồng thời được ủy quyền là người công bố thông tin.

+ ĐT: 0963 911 865

+ Email: [longnv@pecc3.com.vn](mailto:longnv@pecc3.com.vn)

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động giám sát của HĐQT đối với ban Tổng Giám đốc

Mỗi hai tuần một lần đại diện của HĐQT đều tham dự cuộc họp giao ban sản xuất do Tổng Giám đốc chủ trì với sự tham dự của các trưởng đơn vị và Giám đốc các Chi nhánh. Trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, các thành viên Hội đồng quản trị đều quan tâm và có các hoạt động kiểm tra, giám sát, đặc biệt đối với các dự án lớn hoặc có tiến độ thực hiện khẩn trương.

d) Tỷ lệ tham dự các cuộc họp của các TV HĐQT:

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Thái Tuấn Tài	13/13	100%	
2	Ông Tôn Thất Hùng	10/10	100%	Ngày 01/09/2021 được miễn nhiệm với lý do: Nghỉ hưu theo chế độ
3	Ông Nguyễn Phú Gia	13/13	100%	
4	Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	13/13	100%	
5	Ông Nguyễn Ngọc Kế	13/13	100%	

e) Các nghị quyết của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chủ yếu	Tỷ lệ thông qua
-----	---------------	------	------------------	-----------------





1	0008/NQ-HĐQT (Họp HĐQT thường kỳ quý I)	13/01/2021	<p>Điều 1. Kết quả SXKD năm 2020: Thống nhất như báo cáo của Công ty, Hội đồng quản trị sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua sau khi có báo cáo kiểm toán.</p> <p>Điều 2. Kế hoạch SXKD năm 2021: Hội đồng quản trị sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>Điều 3. Thông qua đơn giá tiền lương năm 2021.</p> <p>Điều 4. Thống nhất tỷ lệ khoán 96% tính trên giá trị doanh thu (trước thuế GTGT) đối với công tác tư vấn, lắp đặt công trình năng lượng mặt trời áp mái.</p> <p>Điều 5. Hội đồng quản trị thống nhất: Thành lập Phòng Pháp chế và Phòng Phân tích hệ thống điện. Đổi tên phòng “Nghiên cứu và phát triển dự án” thành phòng “Phát triển dự án”. Giao cho Tổng Giám đốc ban hành các quyết định hành chính liên quan.</p>	100%
2	0018/NQ-HĐQT (Họp HĐQT bất thường)	08/02/2021	Điều 1. Thông qua phương án chuyển nhượng vốn góp của Công ty tại công ty TNHH Điện gió Sunpro Bến Tre số 8.	100%
3	0022/NQ-HĐQT (Họp HĐQT bất thường)	23/02/2021	Điều 1. Chấp thuận đề ông Nguyễn Duy Bình thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3, chuyển công tác về Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt nam kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.	100%
4	0071/NQ-HĐQT (Họp HĐQT thường kỳ quý II)	21/4/2021	<p>Điều 1. thông qua quyết toán quỹ tiền lương năm 2020 theo tổng quỹ tiền lương thực hiện năm 2020.</p> <p>Điều 2. thống nhất thông qua chương trình, các báo cáo và các</p>	



			tờ trình gửi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.	
5	0090/NQ-HĐQT (Họp HĐQT bất thường)	26/04/2021	Điều 1. Bổ nhiệm ông Trần Quốc Điền, giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2021.	100%
6	0116/NQ-HĐQT (Họp HĐQT bất thường)	26/5/2021	Điều 1. Thông qua phương án sáp nhập phòng Phát triển dự án (PTDA) vào phòng Phân tích hệ thống điện (PTHTEĐ) theo tờ trình số 1522/ TTr – TVĐ3 ngày 20 tháng 05 năm 2021 của Công ty. Điều 2. Thông qua giá bán và phương thức thanh lý quyền sử dụng đất 813m <sup>2</sup> tại xã Quảng Khê, Huyện Đắk G'Long, tỉnh Đắk Nông theo tờ trình số 1535/ TTr – TVĐ3 ngày 20 tháng 05 năm 2021 của Công ty. Điều 3. Thông qua Quy chế Kiểm toán nội bộ của Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3. Giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ký quyết định ban hành chậm nhất ngày 31 tháng 5 năm 2021.	100%
7	0136/NQ-HĐQT (Họp HĐQT bất thường)	21/6/2021	Điều 1. Chọn Công ty TNHH Kiểm toán VACO là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2021. Điều 2. Giao cho Tổng Giám đốc đàm phán và ký hợp đồng với Công ty VACO	100%
8	0149/NQ-HĐQT (Họp HĐQT thường kỳ quý III năm 2021)	06/7/2021	Điều 1. HĐQT ghi nhận kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2021 và công tác triển khai nhiệm vụ SXKD 6 tháng cuối năm 2021. Điều 2. HĐQT thống nhất bổ sung, hiệu chỉnh một số điều của Quy chế quản lý tài chính. Điều 3. HĐQT thống nhất giao nhiệm vụ cho ông Nguyễn Văn Long – Người phụ trách Quản trị Công ty, Thư ký Công ty tổ chức triển khai thực hiện công tác kiểm	100%





			toán nội bộ Công ty kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 cho đến hết nhiệm kỳ của HĐQT.	
9	0162/NQ-HĐQT (Họp HĐQT bất thường.)	20/7/2021	Điều 1. Thống nhất cho Công ty sử dụng chữ ký và dấu điện tử trong tất cả mọi hoạt động điều hành và sản xuất kinh doanh. Điều 2. Giao cho Tổng Giám đốc ban hành Quy định về quản lý, sử dụng chữ ký và dấu điện tử cho phù hợp với các quy định của pháp luật.	100%
10	0180/NQ-HĐQT (Họp HĐQT bất thường.)	23/8/2021	Điều 1. Thông qua Quy trình Kiểm toán nội bộ của Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3. Giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ký quyết định ban hành. Điều 2. Thông qua việc ông Trần Quốc Điền thay thế ông Tôn Thất Hùng là người đại diện phần vốn của PECC3 tại Công ty CP Phong điện Thuận Bình kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2021.	100%
11	0193/NQ-HĐQT (Họp HĐQT bất thường.)	16/9/2021	Điều 1. Thông qua chủ trương thoái vốn của PECC3 tại Công ty cổ phần EVN quốc tế (EVNI). Ủy quyền cho Tổng công ty điện lực miền Trung (CPC) thực hiện công tác thoái vốn nêu trên và giao cho TGD Công ty ký hợp đồng ủy quyền.	100%
12	0208/NQ-HĐQT (Họp HĐQT thường kỳ quý IV năm 2021)	06/10/2021	Điều 1. Ghi nhận kết quả SXKD 9 tháng đầu năm 2021. Điều 2. Thống nhất chủ trương sử dụng bộ Nhận diện thương hiệu theo quyết định 972/QĐ - EVN ngày 29 tháng 7 năm 2021 của EVN. Giao Công ty triển khai thực hiện. Điều 3. Ghi nhận số lượng con dấu trong tờ trình số 3344/TTr – TVĐ3 ngày 5 tháng 10 năm 2021 của Công ty và ủy quyền cho Tổng Giám đốc được bổ sung/hủy	100%





			bỏ các loại con dấu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.	
13	0221/NQ-HĐQT (Họp HĐQT bất thường.)	10/11/2021	Điều 1. Thông qua Chiến lược Công ty giai đoạn 2022-2027. Giao cho Chủ tịch HĐQT căn cứ Tầm nhìn, các mục tiêu của Công ty để quyết định phê duyệt Chiến lược Công ty giai đoạn 2022-2027.	100%

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

- Ông Thái Tuấn Tài - Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Tôn Thất Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị
- Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn - Thành viên Hội đồng quản trị

## 2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành.

TT	Họ & Tên	Chức vụ	Số CMND	Đ/chỉ	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ
1	Trương Thị Anh Đào	Trưởng BKS	024654756	02-12-09 Khu Căn Hà Đô - Số 200 đường 3/2, phường 12, Quận 10, TP.HCM	2.757	0,033%
2	Nguyễn Minh Hiếu	Thành viên BKS	012212614	P512, L1, 93 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	0	0
4	Nguyễn Văn Thiện	Thành viên BKS	024865465	14/12/2 Đường 24, Phường Linh Đông, Quận Thủ Đức, TP.HCM		

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:



Hoạt động của Ban kiểm soát tuân thủ chặt chẽ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Công tác triển khai giám sát, kiểm soát theo kế hoạch của năm 2021 đã được Đại hội cổ đông thông qua.

Trong năm 2021, ban kiểm soát đã thực hiện kiểm soát trực tiếp tại Công ty và các Chi nhánh của Công ty với một số nội dung chính, bao gồm:

- Thực hiện theo dõi, giám sát hoạt động điều hành và thực hiện sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2021.
- Theo dõi kiểm tra việc thực hiện các nội dung của Nghị quyết đã được Đại hội cổ đông thường niên thông qua ngày 23-04-2021.
- Theo dõi tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc. Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và một số buổi họp của ban lãnh đạo triển khai thực hiện các kế hoạch kinh doanh và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch theo quý 1, 6 tháng và cả năm 2021. Giám sát việc triển khai các nghị quyết của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành.
- Thực hiện kiểm soát công tác tài chính kế toán, thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo sản xuất kinh doanh, tình hình quản lý tài sản, công cụ dụng cụ và công nợ trong quá trình hoạt động. Tiến hành thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm sau khi kiểm toán độc lập đã thực hiện.
- Đã đề xuất lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 bao gồm giai đoạn soát xét báo cáo tài chính 6 tháng năm 2021 và báo cáo tài chính cả năm 2021. Giám sát chất lượng kiểm toán của Công ty kiểm toán độc lập nhằm đảm bảo chất
- Triển khai thực hiện các 01 đợt kiểm soát trực tiếp và 01 đợt kiểm tra online qua hình thức quan zoom và team do tình hình dịch Covid đã hạn chế việc làm việc trực tiếp tại Công ty, cụ thể:

+ Từ ngày 11/3/2021 đến ngày 13/3/2021 : Kiểm tra, kiểm soát trực tiếp tại Công ty các nội dung sau: Thẩm định báo cáo tài chính của năm 2020 thông qua kiểm tra chứng từ sổ sách. Xem xét tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của năm 2022. Đánh giá tình hình quản lý điều hành sản xuất



kinh doanh năm 2020 và các nội dung liên quan đến hoạt động sản xuất. Công tác này kiểm soát, đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, đầu tư của năm 2020 trước khi Công ty và BKS trình báo cáo ra Đại hội đồng cổ đông năm 2021 của Công ty.

+ Từ ngày 05/7 đến ngày 21/7/2021: Do tình hình dịch Covid, hạn chế việc làm việc trực tiếp tại Công ty. BKS đã phối hợp với công tác kiểm soát chất lượng kiểm toán của Công ty kiểm toán Độc lập Vaco nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán và đảm bảo chất lượng lập báo cáo 6 tháng đầu năm 2021. Với phương pháp kiểm tra online và làm việc qua Zoom, BKS cùng phối hợp kiểm tra, kiểm soát báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3: Kiểm tra việc thực hiện sản xuất, xem xét công tác tài chính 6 tháng đầu năm 2021 và các nội dung khác như tình hình công nợ phải thu, phải trả trong 6 tháng đầu năm 2021. Các chứng từ được cung cấp bằng file qua các phương diện tử (mail/ Zoom/ Team) và một số chứng từ được kiểm tra đối chiếu chọn mẫu khi kiểm tra hoạt động 9 tháng 2021 tại Công ty.

Sau các đợt kiểm soát đều có biên bản làm việc của Ban kiểm soát ghi nhận tình hình hoạt động của Công và các ý kiến, kiến nghị của Ban kiểm soát.

c) Các biên bản làm việc của Ban Kiểm soát

1	Biên bản	Ngày	Nội dung
1	Biên bản làm việc giữa BKS và Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3	11/03/2021	+ Kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị năm 2020. + Đánh giá tình hình quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh năm 2020. + Thẩm định báo cáo tài chính kế toán năm 2020.



			+ Một số nội dung khác nhằm đảm bảo Công ty hoạt động phù hợp với Luật Doanh nghiệp, điều lệ của Công ty và các quy chế quản trị nội bộ.
2	Báo cáo tình hình giám sát chất lượng kiểm toán 6 tháng đầu năm 2021 Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3	15/8/2021	+ Tổng hợp kết quả giám sát kiểm toán độc lập giai đoạn soát xét 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3. + Kiểm soát, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021. + Xem xét công tác tài chính kế toán 6 tháng đầu năm 2021 + Các nội dung khác hoạt động theo Điều lệ và các quy chế quản trị nội bộ của Công ty cổ phần.

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thù lao, tiền thưởng, các khoản lợi ích:

- Hội đồng quản trị:

- Ông Thái Tuấn Tài – Chủ tịch HĐQT: 528.960.000 đồng
- Ông Tôn Thất hùng – TV.HĐQT kiêm Phó TGD (Miễn nhiệm từ ngày 01/09/2021): 316.340.000 đồng
- Ông Nguyễn Phú Gia – TV. HĐQT: 131.400.000 đồng
- Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn – TV. HĐQT kiêm TGD: 493.560.000 đồng
- Ông Nguyễn Ngọc Kế - TV. HĐQT: 116.600.000 đồng

- Ban Tổng giám đốc:

- Ông Nguyễn Trí Trinh – Phó Tổng giám đốc: 1.290.549.201 đồng
- Ông Trần Lê Minh – Phó Tổng giám đốc: 1.324.767.750 đồng
- Ông Trần Quốc Điền – Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm 01/05/2021): 450.100.358 đồng

- Ban Kiểm soát:

- Bà Trương Thị Anh Đào – Trưởng Ban kiểm soát: 430.660.000 đồng





- Bà Nguyễn Minh Hiếu – Thành viên Ban kiểm soát: 95.600.000 đồng
  - Ông Nguyễn Văn Thiện – Thành viên Ban kiểm soát: 440.288.982 đồng
- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có giao dịch
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có giao dịch

## **VI. Báo cáo tài chính**

### **1. Ý kiến kiểm toán:**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:**



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>207.663.131.412</b>	<b>202.306.935.898</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>35.993.379.842</b>	<b>73.721.708.136</b>
1. Tiền	111		10.993.379.842	49.721.708.136
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.000.000.000	24.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>4.220.790.000</b>	<b>220.790.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		220.790.000	220.790.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>145.823.027.905</b>	<b>107.741.937.407</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	166.140.510.254	117.899.150.431
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.150.347.853	1.907.731.862
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.848.543.027	2.931.805.891
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(24.316.373.229)	(14.996.750.777)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>21.144.383.118</b>	<b>19.923.494.425</b>
1. Hàng tồn kho	141		21.144.383.118	19.923.494.425
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>481.550.547</b>	<b>699.005.930</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	481.550.547	699.005.930
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>120.525.215.082</b>	<b>116.572.921.217</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>43.292.927.499</b>	<b>54.253.398.451</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	42.809.927.499	53.736.398.451
2. Phải thu dài hạn khác	216	7	483.000.000	517.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>19.863.262.617</b>	<b>27.623.364.815</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	10.432.712.360	17.536.908.905
- Nguyên giá	222		56.746.976.003	56.429.519.365
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(46.314.263.643)	(38.892.610.460)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	9.430.550.257	10.086.455.910
- Nguyên giá	228		20.880.885.526	20.850.196.776
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.450.335.269)	(10.763.740.866)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>162.000.000</b>	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		162.000.000	-
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>53.150.000.000</b>	<b>29.991.916.461</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		53.150.000.000	31.130.855.750
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(1.138.939.289)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.057.024.966</b>	<b>4.704.241.490</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	3.901.727.614	4.548.944.138
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		155.297.352	155.297.352
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>328.188.346.494</b>	<b>318.879.857.115</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>203.299.350.197</b>	<b>203.224.617.494</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>203.299.350.197</b>	<b>203.224.617.494</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	9.072.136.593	17.929.392.843
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	32.077.217.431	42.692.523.840
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	13.510.491.000	4.263.963.006
4. Phải trả người lao động	314		103.105.120.132	108.842.637.495
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.134.538.827	5.051.077.384
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	22.051.446.536	22.622.589.819
7. Vay ngắn hạn	320	17	17.400.276.571	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.948.123.107	1.822.433.107
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>124.888.996.297</b>	<b>115.655.239.621</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>124.888.996.297</b>	<b>115.655.239.621</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		82.760.800.000	82.760.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		82.760.800.000	82.760.800.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(140.000)	(140.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.072.000.000	13.186.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		23.056.336.297	19.708.579.621
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.910.513.621	88.684.476
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		20.145.822.676	19.619.895.145
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>328.188.346.494</b>	<b>318.879.857.115</b>



# **BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		316.338.431.189	408.938.167.809
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.136.813.513	5.238.016.187
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>21</b>	<b>312.201.617.676</b>	<b>403.700.151.622</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	216.461.702.077	300.478.995.498
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>95.739.915.599</b>	<b>103.221.156.124</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	827.291.292	4.173.673.985
7. Chi phí tài chính	22	25	(561.774.850)	396.981.851
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		383.929.396	-
8. Chi phí bán hàng	25	26	18.930.195.747	29.245.151.037
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	54.184.391.485	53.989.911.954
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>24.014.394.509</b>	<b>23.762.785.267</b>
11. Thu nhập khác	31		1.284.115.017	1.329.395.431
12. Chi phí khác	32		107.378.103	740.557.787
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>1.176.736.914</b>	<b>588.837.644</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>25.191.131.423</b>	<b>24.351.622.911</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	5.045.308.747	4.887.025.118
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(155.297.352)
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>20.145.822.676</b>	<b>19.619.895.145</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	2.191	2.052



# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	25.191.131.423	24.351.622.911
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	8.286.181.492	9.974.600.191
- Các khoản dự phòng	03	8.180.683.163	328.964.580
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	78.672.693	183.265.845
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.296.393.407)	(4.227.447.695)
- Chi phí lãi vay	06	383.929.396	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	40.824.204.760	30.611.005.832
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(35.638.105.555)	(15.194.177.542)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.211.645.331)	(190.193.393)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(21.299.640.130)	10.100.183.010
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	864.671.907	(2.266.091.412)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(383.929.396)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.388.625.485)	(6.545.136.903)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	4.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.510.310.000)	(1.622.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(20.743.379.230)	14.896.889.592
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(968.612.750)	(6.718.886.467)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	115.454.545
3. Tiền chi cho vay	23	(4.000.000.000)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(22.500.000.000)	(11.200.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	480.855.750	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	707.783.501	4.275.179.261
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(26.279.973.499)	(13.528.252.661)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	35.587.795.643	14.869.592.768
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(18.187.519.072)	(25.565.629.344)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.039.443.000)	(9.768.717.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	9.360.833.571	(20.464.754.176)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(37.662.519.158)	(19.096.117.245)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	73.721.708.136	93.001.091.226
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(65.809.136)	(183.265.845)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	35.993.379.842	73.721.708.136



## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 3 theo Quyết định số 335/QĐ-BCN ngày 26 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301475102 đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và Giấy Chứng nhận đăng ký thay đổi lần 11 ngày 28 tháng 10 năm 2021.

Vốn điều lệ của Công ty là: 82.760.800.000 VND chia thành 8.276.080 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Ngày 01/12/2009, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TV3.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 466 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 470 người).

### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Kiểm định chất lượng xây dựng; chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng. Đo đạc bản đồ và vẽ bản đồ địa chính. Lập qui hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực. Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư; lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện (thủy-nhiệt điện-nguồn và lưới điện), dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, dự án năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt) dự án đường dây tải điện và trạm biến áp. Lập tổng dự toán công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện, thí nghiệm mẫu đất, đá, cát, nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng. Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện- nhiệt điện, công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình xây dựng. Thi công khoan cọc bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng. Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình. Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế); Thiết kế công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông). Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp. Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình. Giám sát công tác lắp đặt phần điện công trình công nghiệp. Giám sát công tác phần điện và thiết bị điện công trình đường dây và trạm biến áp. Tư vấn quản lý dự án. Thiết kế hệ thống thông tin liên lạc công trình dân dụng và công nghiệp. Thăm tra thiết kế công trình. Tư vấn lập hồ sơ: đền bù giải phóng mặt bằng, di dân tái định canh, định cư các công trình nguồn, lưới điện và các công trình xây dựng khác. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. Thiết kế công trình đường bộ. Giám sát thi công xây dựng công trình đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cấp thoát nước theo tuyến. Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông cầu-đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện: công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: Khoan thăm dò, kiểm tra lấy mẫu thử để đo chỉ tiêu vật lý, địa chất;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm định chất lượng công trình. Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu, vật liệu xây dựng. Khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản;



**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)****Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Gia công chế tạo, lắp đặt các thiết bị điện sinh hoạt và công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện).

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

*Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:*

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính
Chi nhánh miền Trung	Đường 23/10 KDC Tây Cầu Dứa, Xã Vĩnh Hiệp, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Tư vấn, khảo sát, thiết kế
Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện	32 Ngõ Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	Tư vấn, khảo sát, thiết kế

**2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Giao dịch nội bộ và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

#### Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) *Đầu tư tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- b) *Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- c) *Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a và b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

#### Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

##### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

##### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.



### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Các khoản đầu tư tài chính

##### *Chứng khoán kinh doanh*

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

##### *Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

##### *Nợ phải thu*

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

**Công cụ, dụng cụ:** Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

**Chi phí trả trước khác:** Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

##### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn thì không trích khấu hao.

##### Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.



### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

#### Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

#### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

#### Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.



### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính tổng hợp và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### Bên liên quan

Tập đoàn Điện lực Việt Nam  
Ông Trần Quốc Điền  
Các Công ty con và Công ty liên kết do Tập đoàn  
Điện lực Việt Nam đầu tư và chi phối  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

#### Mối quan hệ

Cổ đông lớn  
Cổ đông lớn  
Cùng tập đoàn  
Quản lý chủ chốt

### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	255.109.452	152.748.617
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.738.270.390	49.568.959.519
Các khoản tương đương tiền	25.000.000.000	24.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	25.000.000.000	24.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>35.993.379.842</b>	<b>73.721.708.136</b>



## 5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>220.790.000</b>	<b>1.214.372.250</b>	-	<b>220.790.000</b>	<b>1.056.904.200</b>	-
Công ty Cổ phần Thủy Điện Miền Trung (i)	220.790.000	1.214.372.250	-	220.790.000	1.056.904.200	-
<b>b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>4.000.000.000</b>		-	-		-
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 6 tháng (ii)	4.000.000.000		-	-		-
<b>b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>53.150.000.000</b>		-	<b>31.130.855.750</b>		<b>(1.138.939.289)</b>
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (iii)	3.150.000.000	6.772.500.000	-	3.150.000.000	3.213.000.000	-
Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình (iv)	50.000.000.000	(*)	-	27.500.000.000	(*)	(902.240.413)
Công ty TNHH Điện gió Sunpro Bến tre số 8	-		-	480.855.750	(*)	(236.698.876)
<b>Cộng</b>	<b>53.370.790.000</b>		-	<b>31.351.645.750</b>		<b>(1.138.939.289)</b>
i.	Khoản đầu tư vào cổ phiếu được niêm yết trên sàn HOSE với số lượng 53.379 cổ phiếu. Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này dựa vào giá trị thị trường giao dịch trên sàn HOSE tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.					
ii.	Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Thành phố Hồ Chí Minh với lãi suất 3,9%/năm.					
iii.	Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế với số lượng cổ phiếu sở hữu là 315.000 cổ phiếu, tỷ lệ góp là 0,86% tổng vốn điều lệ. Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này dựa vào giá trị thị trường giao dịch trên sàn UPCOM tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.					
iv.	Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình có Vốn điều lệ là 500.000.000.000 VND, tỷ lệ góp vốn của Công ty là 10% tổng vốn điều lệ.					
(*)	Theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Công ty đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các đơn vị đã niêm yết trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày kết thúc năm tài chính và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ. Tuy nhiên, một số khoản đầu tư vào đơn vị khác chưa niêm yết và hiện chưa có thông tin hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết nên Công ty không trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.					



**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>(Trình bày lại)</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>166.140.510.254</b>	<b>117.899.150.431</b>
<b>a1) Bên liên quan</b>	<b>123.462.050.775</b>	<b>93.166.991.759</b>
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	34.907.017.043	24.823.707.819
Ban QLDA Thủy Điện Sông Bung 2	19.362.549.364	15.239.712.459
Ban QLDA Truyền Tải Điện (NPTPNB)	16.153.500.900	722.865.829
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	11.362.235.762	2.519.009.886
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	10.122.149.335	2.683.335.381
Ban QLDA Điện Lực Miền Nam - PC 2	6.201.215.192	11.612.788.762
Công ty Thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận-Đa Mi	4.495.485.171	404.244.508
Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	4.079.161.665	6.254.124.192
Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH	2.949.883.454	1.489.600.000
Ban QLDA nhiệt điện 2	2.418.828.407	2.418.828.407
Công ty Thủy điện An Khê - Ka Nah	2.185.250.000	851.133.360
Ban Quản lý dự án Điện 2	1.941.690.755	4.525.510.016
Ban QLDA Lưới điện miền Nam	1.804.012.252	2.239.023.099
Ban QLDA thủy điện 1	1.244.364.245	-
Công ty CP Tư vấn XD điện 1	1.010.242.046	-
Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hình	625.520.920	2.332.236.741
Công ty thủy điện Đồng Nai 5 -TKV	428.490.933	-
Công ty CP Thủy điện Sông Ba Hạ	369.936.800	-
Công ty Phát triển thủy điện Sê San	358.582.400	505.599.160
Công ty Truyền tải điện 3 - EVN	308.244.702	841.345.819
Công ty CP Phong Điện Thuận Bình	246.000.000	-
Công ty DV Sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO 3	238.590.000	224.798.985
Công ty Truyền tải điện 3 -Truyền tải điện ĐắkNông	205.902.125	-
Ban QLDA nhiệt điện 3	180.000.000	614.162.513
Ban quản lý dự án Truyền tải điện	109.939.000	-
Ban Quản lý dự án Điện 3	104.640.000	216.155.033
Điện lực Trung tâm Nha Trang	43.158.291	-
Công ty Điện Lực Sài Gòn	5.460.013	8.436.340
Ban QLDA lưới điện TP. HCM - HCM PC	-	5.506.445.173
Công ty nhiệt điện Mông Dương	-	1.821.989.718
Công ty Thủy điện Trị An	-	1.476.838.000
Công ty thủy điện Đồng Nai	-	1.470.480.000
Ban QLDA Điện nông thôn Miền Trung	-	1.133.276.021
Công ty nhiệt điện Vĩnh Tân	-	430.518.181
Trung tâm điều độ HTĐ Quốc Gia	-	349.392.144
Tổng Công ty Phát Điện 2 - Công ty TNHH MTV	-	309.150.765
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 5	-	142.283.448
<b>a2) Đối tượng khác</b>	<b>42.678.459.479</b>	<b>24.732.158.672</b>
Khác	42.678.459.479	24.732.158.672



## 6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG (Tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
<b>b) Dài hạn</b>	<b>42.809.927.499</b>	<b>53.736.398.451</b>
<b>b1) Bên liên quan</b>	<b>37.922.704.845</b>	<b>40.214.219.946</b>
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	15.379.460.683	9.437.755.393
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	10.697.460.367	8.619.657.416
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	3.389.727.752	4.591.334.171
Ban QLDA lưới điện TP. HCM - HCM PC	2.056.099.362	1.442.993.703
Ban QLDA NMTĐ Đồng Nai 5	1.555.878.980	1.555.878.980
Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH	1.408.264.447	1.097.581.625
Ban QLDA Truyền Tải Điện (NPTPNB)	824.553.213	263.452.668
Ban QLDA Thủy Điện Sông Bung 2	412.792.570	4.520.446.720
Ban Quản lý dự án Điện 2	375.093.000	375.093.000
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	253.887.023	136.374.202
Công ty Điện lực Cà Mau	197.286.504	-
Ban QLDA Phát triển Điện Lực	190.915.455	190.915.455
Ban QLDA Lưới Điện miền Nam	186.028.683	-
Công ty CP thủy điện La Ngâu	160.318.500	160.318.500
CN Tổng công ty truyền tải điện Quốc Gia - CtyTTĐ4	152.335.116	298.293.280
Công ty CP ĐTKD Điện lực TPHCM	139.846.386	139.846.386
Công ty DV Sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO 3	115.260.000	-
Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hình	113.794.679	-
Ban QLDA nhiệt điện 3	93.059.450	413.009.057
Công ty CP Thủy điện miền Trung	70.450.000	70.450.000
Công ty Nhiệt điện Cần Thơ	41.335.569	41.335.569
Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	33.200.000	74.770.000
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Cần Thơ	31.147.917	797.287.174
Công ty thủy điện Đồng Nai	28.160.000	-
Ban QLDA Điện nông thôn Miền Trung	16.349.189	-
Ban QLDA Điện Lực Miền Nam - PC 2	-	4.624.999.470
Ban QLDA thủy điện 1	-	1.244.364.245
Ban QLDA lưới điện - Tổng Cty Điện lực miền Bắc	-	88.833.631
Ban Quản lý dự án Điện 3	-	29.229.301
<b>b2) Đối tượng khác</b>	<b>4.887.222.654</b>	<b>13.522.178.505</b>
Công ty CP Điện KCN Vĩnh Lộc	-	11.364.933.050
Khác	4.887.222.654	2.157.245.455
<b>Cộng</b>	<b>208.950.437.753</b>	<b>171.635.548.882</b>

## 7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.848.543.027</b>	<b>2.931.805.891</b>
Tạm ứng cho nhân viên	1.156.980.612	2.441.870.145
Khác	691.562.415	489.935.746
<b>b) Dài hạn</b>	<b>483.000.000</b>	<b>517.000.000</b>
Ký quỹ, ký cược	483.000.000	517.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.331.543.027</b>	<b>3.448.805.891</b>



**8. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Đơn vị: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Công ty CP Thủy điện Thiên Tân	5.100.415.846	-	(5.100.415.846)	5.100.415.846	-	(5.100.415.846)
Ban QLDA Thủy điện sông Bung 2	18.048.670.314	9.024.335.157	(9.024.335.157)	-	-	-
Ban QLDA nhiệt điện 2	2.418.828.407	-	(2.418.828.407)	2.418.828.407	-	(2.418.828.407)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Anpha	1.391.554.962	531.884.348	(859.670.614)	1.391.554.962	531.884.348	(859.670.614)
Ban QLDA Điện lực miền Nam	362.996.839	6.960.215	(356.036.624)	3.795.953.665	2.412.464.080	(1.383.489.585)
Các khách hàng khác	9.557.314.432	3.000.227.851	(6.557.086.581)	6.869.490.405	1.635.144.080	(5.234.346.325)
<b>Cộng</b>	<b>36.879.780.800</b>	<b>12.563.407.571</b>	<b>(24.316.373.229)</b>	<b>19.576.243.285</b>	<b>4.579.492.508</b>	<b>(14.996.750.777)</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	147.608.070	-	178.246.065	-
Công cụ, dụng cụ	5.157.008	-	4.027.268	-
Chi phí SXKD dở dang	20.991.618.040	-	19.741.221.092	-
<b>Cộng</b>	<b>21.144.383.118</b>	<b>-</b>	<b>19.923.494.425</b>	<b>-</b>



**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>481.550.547</b>	<b>699.005.930</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	147.968.269	181.048.898
Chi phí phần mềm	333.582.278	517.957.032
<b>b) Dài hạn</b>	<b>3.901.727.614</b>	<b>4.548.944.138</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.692.683.162	2.868.458.759
Chi phí phần mềm	1.209.044.452	1.680.485.379
<b>Cộng</b>	<b>4.383.278.161</b>	<b>5.247.950.068</b>

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	13.196.031.024	17.725.790.103	17.493.444.426	8.014.253.812	56.429.519.365
- Mua trong năm	-	32.700.000	-	294.000.000	326.700.000
- Giảm do chuyển sang hàng tồn kho	-	-	-	(9.243.362)	(9.243.362)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>13.196.031.024</b>	<b>17.758.490.103</b>	<b>17.493.444.426</b>	<b>8.299.010.450</b>	<b>56.746.976.003</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	8.321.014.977	12.136.701.261	12.981.354.001	5.453.540.221	38.892.610.460
- Khấu hao trong năm	674.209.488	2.358.250.060	2.587.745.448	1.801.448.187	7.421.653.183
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>8.995.224.465</b>	<b>14.494.951.321</b>	<b>15.569.099.449</b>	<b>7.254.988.408</b>	<b>46.314.263.643</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	4.875.016.047	5.589.088.842	4.512.090.425	2.560.713.591	17.536.908.905
Tại ngày cuối năm	4.200.806.559	3.263.538.782	1.924.344.977	1.044.022.042	10.432.712.360

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 22.663.982.872 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 19.533.544.109 VND).



**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Phần mềm</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>10.706.370.572</b>	<b>10.143.826.204</b>	<b>20.850.196.776</b>
- Mua trong năm	-	479.912.750	479.912.750
- Thanh lý, nhượng bán	(449.224.000)	-	(449.224.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>10.257.146.572</b>	<b>10.623.738.954</b>	<b>20.880.885.526</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>1.843.747.077</b>	<b>8.919.993.789</b>	<b>10.763.740.866</b>
- Khấu hao trong năm	196.027.698	668.500.611	864.528.309
- Thanh lý, nhượng bán	(177.933.906)	-	(177.933.906)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.861.840.869</b>	<b>9.588.494.400</b>	<b>11.450.335.269</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>8.862.623.495</b>	<b>1.223.832.415</b>	<b>10.086.455.910</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>8.395.305.703</b>	<b>1.035.244.554</b>	<b>9.430.550.257</b>

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 6.291.360.637 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 6.226.410.637 VND).

Công ty đã thế chấp Quyền sử dụng đất tại Quận 2 – Thửa đất số 143 với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 2.716.661.715 VND nhằm đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 17).

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Bên liên quan</b>	<b>33.942.095</b>	<b>33.942.095</b>	<b>1.133.959.153</b>	<b>1.133.959.153</b>
Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	33.942.095	33.942.095	319.959.153	319.959.153
Công ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam	-	-	814.000.000	814.000.000
<b>b) Đối tượng khác</b>	<b>9.038.194.498</b>	<b>9.038.194.498</b>	<b>16.795.433.690</b>	<b>16.795.433.690</b>
Công ty CP xây lắp điện I	3.298.900.000	3.298.900.000	-	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Sài Gòn	-	-	9.106.510.206	9.106.510.206
Khác	5.739.294.498	5.739.294.498	7.688.923.484	7.688.923.484
<b>Cộng</b>	<b>9.072.136.593</b>	<b>9.072.136.593</b>	<b>17.929.392.843</b>	<b>17.929.392.843</b>



## 14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÂN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
<b>a) Bên liên quan</b>	<b>27.013.594.673</b>	<b>34.889.229.809</b>
Ban QLDA Điện Lực Miền Nam	7.170.478.992	6.698.941.582
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	5.211.741.382	8.589.985.004
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	4.757.075.715	6.586.417.417
Ban QLDA Lưới điện miền Nam	1.946.246.000	1.946.246.000
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	1.687.600.000	-
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	1.499.745.640	1.592.555.628
Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình	823.000.000	823.000.000
Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	691.500.000	691.500.000
Ban QLDA Truyền tải điện (NPTPMB)	596.292.000	3.437.797.000
Ban QLDA lưới điện TP. Hồ Chí Minh	515.371.971	515.371.971
Ban Quản lý dự án Điện 3	470.625.000	545.625.000
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Cần Thơ	450.101.685	92.161.685
Ban QLDA nhiệt điện 3	445.056.834	704.661.232
Công ty TNHH MTV NMTĐ Thác Ba	246.868.800	246.868.800
CN Tổng công ty truyền tải điện Quốc Gia - CtyTTĐ4	228.600.066	190.445.250
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 5	108.389.600	108.389.600
Công ty Cổ phần Phát triển Điện Lực VN	100.438.263	100.438.263
Ban Quản lý dự án Điện 2	40.361.548	-
Ban QLDA nhiệt điện 2	24.101.177	24.101.177
Tổng Công ty Điện lực Miền nam TNHH	-	1.012.464.200
Ban QLDA điện nông thôn miền Trung	-	618.000.000
Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	-	225.060.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	-	139.200.000
<b>b) Đối tượng khác</b>	<b>5.063.622.758</b>	<b>7.803.294.031</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.578.411.132	2.578.411.132
Viện Năng Lượng	226.087.750	1.741.175.000
Khác	2.259.123.876	3.483.707.899
<b>Cộng</b>	<b>32.077.217.431</b>	<b>42.692.523.840</b>

## 15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.037.537.706	21.854.099.271	(15.084.284.419)	9.807.352.558
Thuế TNDN	954.208.510	5.045.308.747	(2.388.625.485)	3.610.891.772
Thuế TNCN	173.140.395	12.616.598.069	(12.697.491.794)	92.246.670
Các loại thuế, phí khác	99.076.395	202.287.968	(301.364.363)	-
<b>Cộng</b>	<b>4.263.963.006</b>	<b>39.718.294.055</b>	<b>(30.471.766.061)</b>	<b>13.510.491.000</b>



**16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.153.253.260	370.150.980
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	94.682.599	97.931.173
Phải trả cổ tức cho cổ đông	1.061.362.275	824.739.275
Phải trả về khoản tạm thu thuế TNCN	9.170.919.419	13.538.416.285
Chi phí công trình phải trả	6.684.903.513	7.063.384.052
Khác	3.886.325.470	727.968.054
<b>Cộng</b>	<b>22.051.446.536</b>	<b>22.622.589.819</b>

**17. VAY NGẮN HẠN**

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Số có khả năng</u>				<u>Số có khả năng</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>trả nợ</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Giá trị</u>	<u>trả nợ</u>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - CN Hồ Chí Minh (i)	-	-	12.571.872.848	(3.276.405.617)	9.295.467.231	9.295.467.231
Ngân Hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Gia Định	-	-	5.073.757.815	(5.073.757.815)	-	-
Cán bộ công nhân viên (ii)	-	-	17.942.164.980	(9.837.355.640)	8.104.809.340	8.104.809.340
<b>Cộng</b>	-	-	<b>35.587.795.643</b>	<b>(18.187.519.072)</b>	<b>17.400.276.571</b>	<b>17.400.276.571</b>

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hồ Chí Minh nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay là 5,8%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi vay trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất tại Quận 2 – Thửa đất số 143 với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 2.716.661.715 VND.
- (ii) Đây là khoản vay lại cán bộ công nhân viên từ khoản tiền lương đã được duyệt chi. Công ty và các phòng ban đã ký các biên bản thỏa thuận về việc sẽ cho Công ty vay tín chấp số tiền lương chưa chỉ trả với lãi suất 0%/năm, thời hạn vay đến 30/3/2022.



**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị: VND

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Số đầu năm trước</b>	<b>82.760.800.000</b>	<b>(140.000)</b>	<b>7.827.000.000</b>	<b>17.864.963.676</b>	<b>108.452.623.676</b>
- Lãi trong năm	-	-	-	19.619.895.145	19.619.895.145
- Chia lợi nhuận	-	-	-	(9.931.279.200)	(9.931.279.200)
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	5.359.000.000	(5.359.000.000)	-
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, Ban điều hành	-	-	-	(2.486.000.000)	(2.486.000.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>82.760.800.000</b>	<b>(140.000)</b>	<b>13.186.000.000</b>	<b>19.708.579.621</b>	<b>115.655.239.621</b>
- Lãi trong năm	-	-	-	20.145.822.676	20.145.822.676
- Chia lợi nhuận (i)	-	-	-	(8.276.066.000)	(8.276.066.000)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, Ban điều hành (i)	-	-	-	(2.636.000.000)	(2.636.000.000)
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển (i)	-	-	5.886.000.000	(5.886.000.000)	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>82.760.800.000</b>	<b>(140.000)</b>	<b>19.072.000.000</b>	<b>23.056.336.297</b>	<b>124.888.996.297</b>

Công ty thực hiện phân chia lợi nhuận năm 2020, trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi, Ban điều hành và Quỹ đầu tư phát triển theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021 số 0088/BB-TVĐ3 ngày 23 tháng 4 năm 2021.

**Cổ phiếu**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.276.080	8.276.080
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.276.080	8.276.080
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.276.080	8.276.080
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	14	14
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14	14
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.276.066	8.276.066
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.276.066	8.276.066
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000



# 18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

## Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	40.371.340.000	48,78%	40.371.340.000	48,78%
Ông Trần Quốc Điền	4.232.000.000	5,11%	4.331.770.000	5,23%
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	-	0,00%	6.362.490.000	7,69%
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải	-	0,00%	3.966.570.000	4,79%
Cổ đông khác	38.157.320.000	46,11%	27.728.490.000	33,50%
Cổ phiếu quỹ	140.000	0,00%	140.000	0,00%
<b>Tổng cộng</b>	<b>82.760.800.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>82.760.800.000</b>	<b>100,00%</b>

Trong năm, Công ty đã thực hiện thanh toán cổ tức các năm trước cho cổ đông với giá trị là 8.039.443.000 VND.

# 19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	260.688,38	1.324.160,81
Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	2.719,96	3.410,74

# 20. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh tư vấn khảo sát thiết kế chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các doanh thu khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu toàn Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là tư vấn khảo sát thiết kế trong một khu vực địa lý, vì vậy không trình bày thêm thông tin bộ phận.



## 21. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Doanh thu khảo sát, tư vấn, thiết kế	316.338.431.189	408.938.167.809
<b>Cộng</b>	<b>316.338.431.189</b>	<b>408.938.167.809</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>4.136.813.513</b>	<b>5.238.016.187</b>
Giảm giá dịch vụ	4.136.813.513	5.238.016.187
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>312.201.617.676</b>	<b>403.700.151.622</b>
<i>Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan</i>	<i>201.600.706.100</i>	<i>237.141.844.420</i>
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	84.289.663.030	69.560.767.096
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	35.301.234.203	22.903.371.960
Ban QLDA Truyền tải điện	19.682.966.418	2.001.150.754
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	18.254.007.811	20.444.207.717
Công ty Cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận Đa Mi	10.464.070.006	5.476.195.838
CN Tổng Công ty ĐL Miền Nam TNHH - Ban QL Dự án Lưới điện miền Nam	3.248.381.220	3.200.212.800
CN Tổng Công ty ĐL Miền Nam TNHH - Ban QL Dự án Điện lực miền Nam	4.107.878.221	18.969.838.436
Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam TNHH	3.118.638.238	17.666.100.552
Công ty Thủy điện An Khê-Ka Nak	2.781.981.874	1.105.368.000
Ban QLDA Nhiệt điện 3	2.055.930.783	2.095.715.037
Ban QLDA thủy điện Sông Bung 2	2.008.397.795	11.716.944.664
Ban QLDA Điện 2 - CN Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.765.173.415	6.791.112.560
Công ty thủy điện Buôn Kuốp	1.474.204.545	4.800.058.897
Công ty Điện lực Cà Mau	1.318.846.397	-
Ban QLDA Lưới điện TPHCM	1.274.803.944	15.232.803.404
Ban QLDA Điện 3 - CN Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.182.941.072	2.345.000.000
Công ty DV Sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO3	1.047.818.182	-
Công ty Phát triển thủy điện Sê San - CN Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam	968.711.273	-
Tập đoàn điện lực Việt Nam - Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	935.600.000	11.988.451.747
Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 1	918.401.860	-
Công ty Thủy điện Đồng Nai	859.579.191	1.782.400.000
Ban QLDA Lưới điện Đồng Nai	727.494.576	-
Công ty Truyền tải Điện 3	677.172.168	1.366.049.555
Công ty cổ phần thủy điện Sông Ba Hạ	420.382.727	1.546.000.000
Công ty thủy điện Đồng Nai 5 - TKV	389.537.212	-
Công ty Điện lực Bình Phước	389.340.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	327.272.727	1.682.914.787
Công ty Truyền tải điện Đắk Nông	311.605.900	-
Ban QLDA Lưới điện miền Trung	279.203.321	-
Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân	203.636.364	831.081.520
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	141.641.811	469.808.349
Ban QLDA Trung Tâm Điện Lực Ô Môn	116.992.218	711.068.871
Công ty Truyền tải điện Bình Thuận	116.801.300	8.923.500
Công ty thủy điện Italy	97.940.525	-
Công ty Điện lực Sài Gòn	84.371.941	33.327.848
Công ty Nhiệt điện Móng Dương	82.981.750	2.355.527.843
Công ty Truyền tải Điện 4	64.765.201	-
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	55.709.290	-
Công ty Truyền tải điện Gia Lai	54.627.591	170.443.611



## 21. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ (Tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<i>Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan (Tiếp theo)</i>		
Ban QLDN Điện 1	-	2.502.999.500
Công ty TNHH MTV NMTĐ Thác Ba	-	1.440.408.533
Công ty Thủy điện Trị An	-	1.342.580.000
Ban QLDA Điện nông thôn miền Trung	-	923.782.406
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 - CN	-	873.255.373
Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	-	679.727.273
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	-	586.252.514
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức	-	423.272.727
Tổng công ty Phát điện 3 - CTCP	-	422.614.308
Công ty Nhiệt điện Cần Thơ	-	375.777.900
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH MTV	-	281.046.150
Công ty Điện lực Thừa Thiên Huế	-	35.282.389

## 22. GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ khảo sát, tư vấn, thiết kế	216.461.702.077	300.478.995.498
<b>Cộng</b>	<b>216.461.702.077</b>	<b>300.478.995.498</b>

## 23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.827.170.078	8.569.843.489
Chi phí nhân công	164.683.306.777	184.170.847.168
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.286.181.492	9.974.600.191
Chi phí dịch vụ mua ngoài	66.091.872.507	131.713.497.290
Chi phí khác	41.938.155.403	49.447.832.753
<b>Cộng</b>	<b>290.826.686.257</b>	<b>383.876.620.891</b>

## 24. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	283.132.851	1.522.135.150
Cổ tức, lợi nhuận được chia	400.406.400	2.589.858.000
Lãi chuyển nhượng vốn góp	69.144.250	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	74.607.791	61.680.835
<b>Cộng</b>	<b>827.291.292</b>	<b>4.173.673.985</b>

## 25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Chi phí lãi vay	383.929.396	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(1.138.939.289)	193.939.289
Lỗ chênh lệch tỷ giá	193.235.043	203.042.562
<b>Cộng</b>	<b>(561.774.850)</b>	<b>396.981.851</b>



## 26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	4.593.680.596	6.141.694.607
Chi phí vật liệu bao bì	203.280.616	243.676.027
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.273.391.548	16.037.262.988
Các khoản chi phí khác	5.859.842.987	6.822.517.415
<b>Cộng</b>	<b>18.930.195.747</b>	<b>29.245.151.037</b>
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	15.297.287.963	23.652.378.382
Chi phí vật liệu quản lý	790.242.065	985.032.284
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.102.509.579	1.940.770.902
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.602.469.753	3.407.663.545
Thuế, phí và lệ phí	356.613.557	6.791.415
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	9.324.424.228	135.025.291
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.520.922.394	10.136.313.315
Các khoản chi phí khác	13.189.921.946	13.725.936.820
<b>Cộng</b>	<b>54.184.391.485</b>	<b>53.989.911.954</b>

## 27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>25.191.131.423</b>	<b>24.351.622.911</b>
<b>Điều chỉnh tăng cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>591.742.420</b>	<b>1.634.797.320</b>
Thù lao HDQT không chuyên trách	144.000.000	126.000.000
Tiền phạt thuế và hóa đơn	-	496.918.304
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục Tiền và Phải thu cuối năm nay	78.672.693	183.265.845
Chi phí khấu hao nhanh Nhà cửa, vật kiến trúc	-	776.486.760
Chi phí không được trừ	369.069.727	52.126.411
<b>Điều chỉnh giảm cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>(583.672.245)</b>	<b>(3.376.382.807)</b>
Lợi nhuận cổ tức được chia	(400.406.400)	(2.589.858.000)
Giảm phần chi phí trích trước của XNKS không chi hết đã tính vào TNCT năm 2019	-	(675.577.263)
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục Tiền và Phải thu cuối năm trước	(183.265.845)	(110.947.544)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>25.199.201.598</b>	<b>22.610.037.424</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>5.039.840.320</b>	<b>4.522.007.485</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước nộp bổ sung	5.468.427	365.017.633
<b>Tổng Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>5.045.308.747</b>	<b>4.887.025.118</b>



## 28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế trong năm	20.145.822.676	19.619.895.145
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	2.014.582.268	2.636.000.000
<b>Lợi nhuận để tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>18.131.240.408</b>	<b>16.983.895.145</b>
Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.276.066	8.276.066
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.191	2.052
Mệnh giá mỗi cổ phiếu	10.000	10.000
(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021 số 0088/BB-TVĐ3 ngày 23 tháng 4 năm 2021, Công ty đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và Ban Điều hành từ lợi nhuận năm 2020 với giá trị 2.636.000.000 VND. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh năm 2020 khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Lãi cơ bản trên cổ phiếu trước khi trình bày lại là 2.056 VND/Cổ phiếu).		

Số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 là số tạm tính dựa trên 10% Lợi nhuận sau thuế năm 2021, được căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021 số 0088/BB-TVĐ3 ngày 23 tháng 4 năm 2021.

## 29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

### Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	17.400.276.571	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(35.993.379.842)	(73.721.708.136)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	124.888.996.297	115.655.239.621
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.



## 29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

### Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.993.379.842	35.993.379.842	73.721.708.136	73.721.708.136
Phải thu khách hàng và phải thu khác	209.603.000.168	209.603.000.168	172.125.484.628	172.125.484.628
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.220.790.000	5.214.372.250	220.790.000	1.056.904.200
Các khoản ký quỹ	522.000.000	522.000.000	517.000.000	517.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>250.339.170.010</b>	<b>251.332.752.260</b>	<b>246.584.982.764</b>	<b>247.421.096.964</b>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Các khoản vay	17.400.276.571	17.400.276.571	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	29.875.647.270	29.875.647.270	40.083.900.509	40.083.900.509
Chi phí phải trả	3.134.538.827	3.134.538.827	5.051.077.384	5.051.077.384
<b>Tổng cộng</b>	<b>50.410.462.668</b>	<b>50.410.462.668</b>	<b>45.134.977.893</b>	<b>45.134.977.893</b>

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính như Thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

#### Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

## 29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)



### Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 2 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.993.379.842	-	-	35.993.379.842
Phải thu khách hàng và phải thu khác	155.871.601.717	53.731.398.451	-	209.603.000.168
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.220.790.000	-	-	4.220.790.000
Các khoản ký quỹ	-	522.000.000	-	522.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>196.085.771.559</b>	<b>54.253.398.451</b>	<b>-</b>	<b>250.339.170.010</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Các khoản vay	17.400.276.571	-	-	17.400.276.571
Phải trả người bán và phải trả khác	29.875.647.270	-	-	29.875.647.270
Chi phí phải trả	3.134.538.827	-	-	3.134.538.827
<b>Tổng cộng</b>	<b>50.410.462.668</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>50.410.462.668</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>145.675.308.891</b>	<b>54.253.398.451</b>	<b>-</b>	<b>199.928.707.342</b>
	Dưới 1 năm VND	Từ 2 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.721.708.136	-	-	73.721.708.136
Phải thu khách hàng và phải thu khác	118.389.086.177	53.736.398.451	-	172.125.484.628
Đầu tư tài chính ngắn hạn	220.790.000	-	-	220.790.000
Các khoản ký quỹ	-	517.000.000	-	517.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>192.331.584.313</b>	<b>54.253.398.451</b>	<b>-</b>	<b>246.584.982.764</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	40.083.900.509	-	-	40.083.900.509
Chi phí phải trả	5.051.077.384	-	-	5.051.077.384
<b>Tổng cộng</b>	<b>45.134.977.893</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>45.134.977.893</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>147.196.606.420</b>	<b>54.253.398.451</b>	<b>-</b>	<b>201.450.004.871</b>

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

### 30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN



Trong năm, ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan tại các thuyết minh số 06, 13, 14, 18 và 21; Công ty còn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Mua hàng</b>		
Công ty Thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận-Đa Mi	563.542.095	130.555.754
Điện lực Sài Gòn	-	746.119.558
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	-	1.027.626.364
Công ty thí nghiệm Điện miền Nam	-	740.000.000
<b>Cộng</b>	<b>563.542.095</b>	<b>2.644.301.676</b>
<b>Chi trả cổ tức</b>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	4.037.134.000	4.844.560.800
<b>Cộng</b>	<b>4.037.134.000</b>	<b>4.844.560.800</b>

Thù lao Hội đồng Quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc trong năm:

		Năm nay	Năm trước
		VND	(Trình bày lại) VND
<b>Thù lao của Hội đồng Quản trị</b>		<b>776.960.000</b>	<b>742.800.000</b>
Ông Thái Tuấn Tài	Chủ tịch	528.960.000	554.520.000
Ông Nguyễn Phú Gia	Thành viên	131.400.000	134.280.000
Ông Nguyễn Ngọc Kế	Thành viên	116.600.000	54.000.000
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc</b>		<b>4.048.157.309</b>	<b>3.626.497.945</b>
Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	Tổng Giám đốc	493.560.000	391.050.000
Ông Tôn Thất Hùng	Phó Tổng Giám đốc	316.340.000	442.300.000
Ông Trần Lê Minh	Phó Tổng Giám đốc	1.324.767.750	1.066.640.727
Ông Nguyễn Trí Trinh	Phó Tổng Giám đốc	1.290.549.201	1.051.895.854
Ông Trần Quốc Điền	Phó Tổng Giám đốc	450.100.358	-
Ông Nguyễn Duy Bình	Phó Tổng Giám đốc	172.840.000	674.611.364
<b>Cộng</b>		<b>4.825.117.309</b>	<b>4.369.297.945</b>

### 31. NỢ TIỀM TÀNG

Trong năm 2020, các Công ty bảo hiểm (bao gồm Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng Không) đã nộp hồ sơ khởi kiện tại Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu các nhà thầu tư vấn có liên quan đến sự cố tại hầm dẫn dòng công trình Thủy điện Sông Bung 2 năm 2016 (bao gồm Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3, Viện nghiên cứu Khảo sát Thiết kế Côn Minh và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2) phải liên đới bồi hoàn số tiền 6.516.225.000 VND cho các Công ty Bảo hiểm nêu trên, trong đơn khởi kiện không nêu rõ số tiền bồi hoàn của từng nhà thầu tư vấn. Công ty đã gửi đến Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bản ý kiến vào ngày 22/9/2020 nêu rõ sản phẩm thi công hiện trường của tháp van hầm dẫn dòng không phải là sản phẩm tư vấn thiết kế của Công ty, do đó Công ty không phải chịu trách nhiệm bồi hoàn. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty chưa nhận được thông báo của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về lịch hòa giải và xét xử. Theo đó, Báo cáo tài chính tổng hợp này chưa bao gồm những ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến kết quả vụ kiện nêu trên.



**32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty thuê nhà tại Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM để làm trụ sở làm việc theo Phụ lục Hợp đồng thuê nhà số 126/PLHD-QLKDN-KD ngày 12/4/2021 với Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà TP. HCM. Thời hạn thuê là 02 năm kể từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2022 với đơn giá thuê đã bao gồm thuế giá trị gia tăng từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 457.000.000 VND/tháng (đơn giá thuê từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 sẽ được điều chỉnh), tiền thuê được trả hàng quý.

Tiền thuê được trả theo lịch như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	5.484.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.484.000.000</b>	<b>-</b>

**33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**
**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền thu thanh lý tài sản cố định trong năm không bao gồm 815.000.000 VND là số tiền phải thu trong năm mà chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Tiền lãi thu trong năm không bao gồm 44.900.000 VND là số tiền lãi phải thu trong năm mà chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

**34. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác.

Ghi chú: Toàn bộ báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán được đăng trên địa chỉ Website: [www.pecc3.com.vn](http://www.pecc3.com.vn)

**TỔNG GIÁM ĐỐC**   
  
**Nguyễn Như Hoàng Tuấn**